

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 2

Ba là phước tuệ, chia làm ba: Đầu tiên là nêu tên gọi khác, sự thù thắng trong phước không hơn định, nêu lên hơn gồm thâm xấu kém, thì năm độ đầy đủ rồi. hai là từ “Định gọi là v.v...” trở xuống là dựa vào tên gọi để giải thích nghĩa, có hai: Đầu tiên là nêu công năng của hai pháp, có bốn: Thứ nhất công năng của định tuệ. Tĩnh ái quán sách: Do tịch tĩnh cho nên thường yêu quý gồm thâm các hành, do quán chiếu cho nên thường sách tấn các hành. Yêu quý mà không đốc thúc thì tâm sanh ra ngưng trệ, đốc thúc mà không yêu quý thì tuệ phát khởi phân tán. Yêu quý đốc thúc đầy đủ mới có công năng hưởng đến quả. Hai từ “Lặng chiếu v.v...” trở xuống là đức của phước trí. Trí của lặng chiếu: Tức là hai trí quyền thật. Chẳng tối tăm nào không sáng: Tức là không có sự tối tăm của ba hoặc. Phước đức thiền định chắc chắn bao gồm các độ và các thiền đại tiểu. Dùng phước giúp đỡ trí giống như dầu giúp cho đèn. Ba là từ “Cũng gọi là v.v...” trở xuống là xứng với mắt và chân. Hồ thanh lương tức là Niết-bàn. Niết-bàn chắc chắn cần phải đầy đủ ba đức, cực điểm ở tại Diệu Giác, phân chia thông suốt Sơ trú. Bốn từ “Niết-bàn v.v...” trở xuống là tên gọi trang nghiêm, hai nghiêm thuộc về tu - pháp thân là tánh. Tánh có thiếu và đủ, nên làm cho hai tu có khác nhau về chân duyên. Như dưới đây phân rõ.

Từ “Giải thích định tuệ này v.v...” trở xuống là dựa theo bốn giáo giải thích, có hai: Đầu tiên trình bày bốn giáo, Bồ-tát ba tạng giáo tuy nói quán lý, điều phục mà chưa dứt, tạm thời nêu lên các thiền thật sự bao gồm các độ còn lại, phát khởi chân chắc chắn ở tại ba mươi bốn tâm. Nếu Bồ-tát Thông giáo thể pháp xảo tuệ, lý độ trợ giúp, nhân lập tức pháp chân đến Phật mới hoàn tất. Người Biệt giáo tuy tin tâm năng tạo chính là Phật tánh, mà tánh chẳng đầy đủ chín loại vì hoặc che lấp, cho nên cần phải tách biệt duyên hai lý trong chân, phá chung hoặc, vì thế cho nên gọi là duyên tu trí tuệ. Chính là các thiền Tam-muội Tục để trợ giúp hiển bày Pháp thân. Viên giáo nói về tánh ác, hiểu rõ thật

tướng của hoặc tức là năng quán, gọi là quán thật tướng, định cũng như vậy gọi là Thật tướng Định. Lại dùng tên gọi thật tướng hiển rõ thân, tức một mà ba gọi là thân định tuệ, tức ba mà một cùng tên gọi thật tướng. Nếu mê muội tánh ác thì đâu được dự vào hàng sơ tâm. Hai từ “Nay, Viên v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề kinh, có hai: đầu tiên là chỉ ra văn kinh. Nói trí quang chiếu Khổ: Kinh không có văn này, mà có nghĩa đó. Vô lượng chúng sanh gặp phải khổ đau xưng gọi danh hiệu, Bồ-tát lập tức quán sát âm thanh đó nên đều được giải thoát, quán là trí soi chiếu - soi chiếu tức là Quang. Quán Âm diệu trí tức là Thể của chúng sanh ba đường, chúng sanh mê muội cho nên điên đảo mới sanh ra, Quán Âm soi chiếu giải thoát ở nơi này. Liên tiếp dẫn ra văn phát ra ánh sáng trong ba kinh là: Nếu chẳng phải sắc, làm sao có thể nói là phát ra, nếu định là sắc đâu gọi là trí tuệ. do vậy biết sắc tâm thể đó không hai, sắc tánh tức là trí - trí tánh tức là sắc, đâu chỉ riêng Quang như vậy! Tất cả sắc như vậy! Nghĩa Phổ hiện sắc thân chắc chắn có thể biết. Lại lẽ nào chỉ có quả sự mà thực tế còn ở nhân lý, bởi y cứ vào lý đầy đủ mới có Sự dụng. Từ “Bởi vì v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục. Bốn là chân ứng, có ba: Đầu tiên là nêu tên gọi chỉ ra nghĩa, hai thân đều có nghĩa của tập tạng, Chân nhóm hợp tất cả, trí tuệ cất giữ ở một tâm, ứng nhóm hợp tất cả, thân thông cất giữ ở một sắc. Sắc tâm không hai tất cả tuệ như một, nói duy sắc duy tâm là ở đây. Hai từ “Nếu khế hợp v.v...” trở xuống đối chiếu phân biệt đúng sai, có hai: Đầu tiên dựa theo pháp chỉ ra, chia làm ba: Thứ nhất thể thật tướng của pháp tức là pháp thân, trí năng khế hợp tức là tự thọ dụng báo thân. Hai thân này nay đều gọi là chân thân. Pháp thân báo thân đã sâu kín thì thường xứng hợp cơ nghi, khởi Ứng thân hơn kém v.v... Hai từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ, nắm lấy gương dụ cho chứng chân, ngay nơi hình dạng dụ cho khởi ứng. Ba là từ “Chân, ứng này v.v...” trở xuống là kết luận, Tam thiên cùng thể là chân, Tam thiên cùng dụng là ứng, chân ứng này nơi chốn không rời nhau, luận nói không mưu cầu, mà nghĩa hiển bày tôn chỉ hiện tại, các tông phái vốn bàn luận khó tránh khỏi tác ý. Từ “Hoặc như ngoại đạo v.v...” trở xuống là nói người phân biệt, có hai: Đầu tiên phân biệt Tiểu thừa và ngoại đạo, cảnh thiên căn bản hữu lậu không sáng tỏ, cho dù tiểu thừa hiện rõ thân thông cũng không thể nào lợi ích chúng sanh. Đây là phân biệt chẳng phải ứng, “Còn chưa v.v...” trở xuống là phân biệt chẳng phải chân. Nếu người nhị thừa là, tạm thời nêu lên nhị thừa, chắc chắn bao gồm hai giáo và hai Bồ-tát. Theo đúng ý Diệu Huyền, hai giáo Tạng và Thông đều là tác ý thân thông, vì cần

hoại diệt vô thường trú, bốn không thể khởi ứng. Nếu Biệt giáo tiếp dứt hoặc của Thông, Biệt chưa hết, cũng không thể ứng. Cho dù khiến duyên đến vật đều gọi là thô ứng, hoặc sơ tâm Biệt giáo cũng không thể ứng. Sơ địa ban đầu đạt được ba quán hiện tiền, chứng hai mươi lăm Tam-muội vương, pháp thân thanh tịnh vô tư vô niệm, tùy cơ lập tức đối diện, là diệu ứng không thể nghĩ bàn.

Từ “Đại thừa v.v...” trở xuống là chỉ người Viên giáo, có hai: Đầu tiên nói về hai thân. Đắc thật tướng chân: Đích xác nói là Viên trú nghĩa bao gồm Biệt địa. khác với chân không: Gọi chất là chân. Bạc Thánh ứng giống như cùng thể chất của cơ, đã chứng tánh bốn giác của chúng sanh, dùng cơ trăm cõi ứng với cơ trăm cõi, thể vốn không hai lẽ nào có thể khác nhau đôi chút hay sao? Hai từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nêu ra sáu tức. Ba là từ “Kinh nay v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề mục của kinh, có hai: Thứ nhất chỉ ra văn kinh. Hai là từ “Bởi vì v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Năm là Dược châu, có ba: Đầu tiên nêu tên gọi là chỉ ra giáo. Kinh Nại Nữ: Nói đầy đủ là Kinh Phật nói Nại Nữ Kỳ Vực, một quyển. Nại nữ là người con gái sinh ra dưới cây Nại nhà Phạm Chí nước Duy-da-Ly, nhan sắc xinh đẹp nổi tiếng truyền đi các nước xa, do đó vua Bình Sa đến đính hôn, về sau sanh ra một người con trai tên là Kỳ Vực, lúc sanh tay nắm ống kim túi thuốc, đến năm tám tuổi ông thông suốt rất nhiều y thuật, đi khắp nơi chữa bệnh. Sau đó gặp đứa trẻ gánh củi, Kỳ Vực nhìn thấy, xem tất cả ngũ tạng - ruột - dạ dày đứa trẻ này, tâm Kỳ Vực nghĩ rằng: Bản thảo kinh nói có cây thuốc chúa, từ ngoài rơi vào trong nhìn thấy phủ tạng con người. Trong củi đứa trẻ này chẳng lẽ không có cây thuốc chúa hay sao? Tức thì hướng đến hỏi đứa trẻ, bán củi được mấy đồng tiền? Đứa trẻ nói: Mười tiền, bèn trả tiền lấy củi. Dỡ củi xuống đặt trên đất tối tăm không nhìn thấy trong bụng. Kỳ Vực nghĩ: Không biết trong bó củi cây nào là thuốc chúa thật? Bèn tháo hai bó củi chọn lấy từng cây một rồi áp vào bụng đứa trẻ, không hề soi thấy gì, bèn lại tiếp tục chọn lấy. Như vậy hết hai bó củi. Rốt ráo có một nhánh nhỏ, cắt dài hơn thước, thử chọn lấy để soi thì nhìn thấy đầy đủ trong bụng. Kỳ Vực rất vui mừng, biết nhánh nhỏ này chắc chắn là thuốc chúa, tất cả củi trả lại cho đứa trẻ, đứa trẻ đã được tiền mà củi lại như cũ, vui sướng mà đi. Kỳ Vực trở về nước chữa bệnh cho mọi người khắp nơi, đều dùng thuốc chúa soi chiếu coi xét, thấy hết nguồn gốc của bệnh, sau đó chữa trị chẳng có người nào không khỏi bệnh. Nay lấy thí dụ chân thân dứt trừ đau khổ, như thuốc chúa chữa trị bệnh tật. Châu là vật báu như ý:

Như trong Hoa Nghiêm được ma-ni châu sửa trị trong sạch mười loại, có thể mưa xuống các thứ báu. Nay dùng dụ cho ứng thân ban vui, như mưa báu của ngọc ma-ni. Từ “Rộng trải qua v.v...” trở xuống là dựa theo giáo phân rõ năng, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra, có ba: Tùy theo giáo cạn sâu mà lợi ích chúng sanh có rộng hẹp, theo đó nói về tướng trị bệnh được vật báu. Hai từ “Nay xét theo v.v...” trở xuống là mở rộng trình bày Viên giáo, có hai: Đầu tiên giải thích hai thân, có hai: Thứ nhất Được thọ thân, chia làm hai: Một là Dụ, rể sâu dụ cho chân diệu, phân bố bốn phía dụ cho ứng rộng rãi chỉ ra giáo - lý - hạnh - quả, như thứ lớp rể v.v... tín hạnh tu bốn thứ như nghe được lợi ích, pháp hành tu bốn thứ như tiếp xúc được lợi ích. Hai là từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là Pháp. Đoạn đầu phẩm này chuyên nói về dứt trừ đau khổ, tức là Đại bi xông ướp cho chân thân, cùng với nghĩa trị bệnh như nhau. Hình thành lợi ích chúng sanh tạm thời nói theo Thông giáo mà nói. Nếu căn cứ vào văn kinh cần phải ở tại lợi ích ngầm kín, không dùng hình thành kết hợp nghe và tiếp xúc ở trước, ý cũng ở nơi này. Từ “Lại như v.v...” trở về sau là thân Châu vương, chia làm hai: Một là Dụ, như văn. Hai là từ Bồ-tát v.v...” trở xuống là Pháp, tức là dùng Đại từ xông ướp cho ứng thân, làm cho rộng khắp được vui sướng, cùng với nghĩa vật báu như nhau. Hỏi: Đại Bi xông ướp Chân thân - tướng đó như thế nào? Đáp : Chân là diệu trí thường phá trừ vọng hoặc, Bi gọi là thương xót thường dứt trừ khổ đau cho người khác, cùng là một Dụng thanh tịnh của pháp thân mà thôi. Muốn soi chiếu sáng tỏ lý có ích về lợi tha, cho nên xây dựng Bi dứt trừ khổ xông ướp cho trí phá trừ mê hoặc, tức là hiển bày trí có Bi, rộng khắp trừ bỏ nỗi khổ vọng hoặc của chúng sanh, cũng như đối với đại từ xông ướp ứng thân ban cho niềm vui, cùng là một dụng tự tại của pháp thân. Một dụng hai năng, cho nên có nghĩa của năng huân - sở huân, bởi vì ứng thân vốn là pháp tự hành chứng đắc, dùng từ xông ướp cho nên mới lợi ích khắp nơi cho người khác. Vậy thì từ tâm chẳng phải không xông ướp chân thân, Bi tâm chẳng phải không xông ướp ứng thân, chân thân chẳng phải không ban cho niềm vui, ứng thân chẳng phải không dứt trừ khổ đau. Muốn cho dễ dàng hiểu rõ, vì thế cho nên văn kinh nhờ vào hai lần hỏi đáp, phân biệt mà nói ra vậy. Hai từ “Đây cũng v.v...” trở xuống là phân rõ sáu tức, bác địa đã đầy đủ lý của hai thứ trị bệnh và mưa báu, không khác với Phật, từ danh tự trở lên tùy cạn - tùy sâu, năng điều trị - năng rưới mưa. Từ “Theo như trước v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề mục kinh, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Sáu là minh hiển, có ba: Đầu tiên giải thích tên gọi. Từ: Đại Thánh v.v...” trở xuống là giải thích tướng, Đại Thánh thường dùng chân trí kín đáo xông ướp, diệu sắc hiển bày che phủ, vô minh ngăn cách cho nên lợi ích mà không biết.

Từ “Thí như v.v...” trở xuống là nêu ra thí dụ, hai chiếu sáng dụ cho hai lợi ích, người mù dụ cho vô minh, phàm phu tiểu thừa đều còn phân cách ở hạ địa, màng mắt đã có khác nhau về dày mỏng, tướng không thể nhìn thấy thì không thể suy đoán như nhau. Thứ ba là từ “Cho nên, Phẩm được thảo dụ nói v.v...” trở xuống là dẫn chứng, ba cỏ - hai cây đều không biết mặt đất như nhau - cơn mưa như nhau, dưới không lường nổi trên cũng là người Thông giáo - Viên giáo, cho nên dẫn ra Diệu đức không biết Diệu âm. Nói vì không biết cho nên gọi là lợi ích ngấm kín: Đây là trình bày hai thân đối với người không biết, đều gọi là lợi ích ngấm kín, tức làm sáng tỏ chân ứng ở nơi người biết điều đó, đều gọi là lợi ích hiển bày. Phát khởi trí nhìn thấy lý đối với chân hiển bày lợi ích, thấy thân mà không biết chỉ chịu ơn lợi ích ngấm kín, chân ngấm kín - ứng hiển bày có thể dùng ý suy nghĩ. Từ “Đây cũng v.v...” trở xuống là nói về sáu Tứ. Lý giống như cực Thánh cho nên không nói đến, danh tự chính là người vốn có trí hành bao gồm ích lợi cho người, bầy phượng tiện kia thọ nhận mà không biết, hưởng chỉ trong ngoài gồm hai lợi ích chẳng phải nhỏ bé, đều biết chính là tánh cho nên xa lìa ngã năng. Thứ ba là Từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Trước đây nói về chân ứng đều có ẩn hiển, đây là dùng hết lý, nay dùng người pháp tách biệt đối chiếu hai lợi ích, tạm thời thuận theo văn như vậy. Hai từ “Cho nên v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Bảy là Quyền Thật, có ba: Đầu tiên là giải thích tên gọi, tạm thời sử dụng thì quyền là thích hợp, chẳng phải tạm thời tức là rốt ráo. Hai từ “Tóm lại v.v...” trở xuống là phân rõ tướng, có hai: Đầu tiên nói chung về ba loại, chia làm hai: Thứ nhất nêu rộng ba loại, tức là chỉ riêng tự - chỉ riêng Tha và tự tha giống nhau. Theo các kinh luận đã nói về quyền - thật, tướng đó không như nhau, hoặc nói tự hành có quyền - có thật, hoặc thừa nhận hóa tha có quyền - có thật, hoặc kinh luận giải thích pháp của tự hành đều gọi là thật, pháp của hóa tha đều gọi là quyền. Vì thế cho nên tông phái này hễ nói về quyền thật, thì phải nói về ba loại này. Nếu không như vậy, người vâng chịu học hỏi, thì không biết tất cả tướng của quyền thật, đối với các kinh luận không tránh khỏi sinh ra nghi ngờ. Lại cần phải biết rõ pháp tướng quyền thật, hoặc dựa

theo lý sự hoặc dựa theo lý giáo, giáo hạnh trói buộc hay thoát khỏi nhân quả thể dụng, tiệt đốn mở ra hay hợp lại tất-đàn chung riêng, đều thông suốt tự - tha và tự tha chung nhau. Nay đối chiếu trung quán với hai quán làm quyền thật, tựa như lấy nhân quả mà phân rõ ba loại, tự tu ba quán là tự hành quyền thật, nếu dựa theo hóa tha thì chỉ thuận theo ý người, lúc bốn tất-đàn thích hợp không có thể chắc chắn phân định. Nếu loại thứ ba tự hành ba quán, có quyền có thật, vì thuận theo trí cho nên chỉ gọi là thật, pháp của Hóa tha tuy có quyền thật, vì thuận theo tình cho nên chỉ gọi là quyền. Hai từ “Dùng ba nghĩa này..” trở xuống là trải qua khắp các giáo, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra bốn giáo, tùy giáo cạn sâu nói về các lý - sự, dựa theo tự - dựa theo tha và tự tha chung nhau, nghĩa đều không thiếu sót. Hai từ “Lại theo v.v...” trở xuống là nói đầy đủ sáu tức, sáu thông suốt ba giáo tức là chỉ ở Viên giáo, lại dựa vào tự hành, trình bày sáu quyền thật từ nhân đến quả, nghĩa rất thuận tiện. Từ “Tím ý phẩm này v.v...” trở xuống là Biệt dụng thứ ba, lần hỏi đáp trước có quyền thật, bảy nạn - hai câu ở quyền, xa lìa hẳn ba độc là thật. Vì do Đại sĩ sử dụng hướng về tự hành một tâm ba quán, quán sát âm thanh đó khiến cho đều được giải thoát, vì thế đều xếp vào thật. Lần hỏi đáp sau, thân mười cõi nói pháp hiển hiện có quyền thật. Vì Đại sĩ này tùy căn cơ sai khác thị hiện các loại ứng, cho nên nhìn thấy xếp vào quyền. Đây chính là phân định hướng về Tự hành - Hóa tha để làm Quyền Thật không có lần thứ ba, làm thế nào phân kinh hai đoạn mà đối chiếu quyền thật? Ba là từ “Lần hỏi trước v.v...” trở xuống là kết thúc quy về, có hai “Trước là kết thúc chỉ ra văn kinh, trước sau đều nói tự hành - Hóa tha ấy là phân tích chỉ Tự hành - chỉ hóa tha quyền thật, ý nói: Lần trước là Tự - Tha thật của tương đối, lần sau là tự - tha quyền của tương đối. Hai từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục.

Tám là Bốn Tích, có ba: Đầu tiên là danh nghĩa, Tịnh Danh Huyền Nghĩa chép: “Bốn Tích: Bốn là lý của sở y, Tích là sự của năng y, sự lý kết hợp nói cho nên gọi là Bốn tích. Ví như người dựa vào trú xứ, thì có dấu vết đi đến. Trú xứ là sở y, người thường dựa vào có dấu vết đi lại, do xứ có dấu vết - tìm dấu vết được xứ. Nên biết rằng hoặc là cao hay thấp thật sự đạt được đều là Bốn, hoặc cao hay thấp ứng hiện đều là Tích. Hai là từ “Nếu liên thông v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chung cả phạm tiệt, người thế trí cao có nhiều phương cách thực hiện, chỉ thấy tông tích mà chẳng biết bốn ý, hai giáo Thánh hiền đến địa vị tương tự Biệt giáo, vốn đã chứng đạt được mà địa vị phía dưới

làm sao biết rõ, từng đoạn đều có thể thông suốt nói về Bốn tích. Hai là hạn cuộc Viên Thánh, có hai: Đầu tiên hạn cuộc phần mãn, có hai : Thứ nhất chỉ ra sơ lược, đích thực nói về bốn đó, phải phá trừ vô minh chứng đạt thể của pháp thân, Tích chỗ lưu truyền hoặc thân của chín cõi giới hoặc hiện rõ tám tướng. Từ “Nếu một hương v.v...” trở xuống là phân biệt phân định, có hai: Đầu tiên chọn cùng hương (nhất vãng). Hai từ “Nay nói kỹ v.v...” trở xuống là chọn lấy tinh tế mà nói, có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa mà nói, có hai: Thứ nhất là nói về Bốn tích thông suốt cao thấp, nếu biết rõ bốn câu giải thích mới hết. Một - Bốn thấp Tích cao, sơ trú pháp thân Tích là tám tướng, địa vị trên Bồ-tát, tám tướng vốn là oai nghi bậc Diệu giác, cho nên nói Tích cao. Hai là Bốn cao Tích thấp, Diệu giác pháp thân Tích là địa phía dưới và tướng chín cõi. Ba là đều là cao, Diệu giác pháp thân tích là tám tướng. Bốn là Tất cả là thấp, Sơ trú Pháp thân Tích là chín cõi. Trong đây bốn mươi địa vị Bốn Tích cao thấp, có thể lấy ý biết rõ. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là nói thật có thể phân rõ đúng sai. Từ “Cho nên, phẩm Thọ lượng v.v...” trở xuống là dẫn văn chứng minh, tự ý là Bốn, tha ý là Tích. Từ “Căn cứ bốn v.v...” trở xuống là tất cả sáu tức, năm địa vị Bốn tích lý đều đầy đủ. Ba từ “Xét theo trước v.v...” trở xuống là kết thúc quy về, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh, trước dùng thật Bốn lợi ích cho người, sau dùng tùy Tích làm lợi ích cho người. Hai từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Chín là Duyên liễu, có ba: Đầu tiên nêu rõ danh nghĩa, có ba: Trước nêu danh nghĩa, danh nghĩa tu tánh này đều như vậy. Từ “Liễu tức là v.v...” trở xuống phân rõ phẩm loại, tương tự đến cực quả, từng đoạn từng đoạn tên gọi khác nhau mà thể đó chẳng khác. Từ “Đại luận v.v...” trở xuống là dẫn luận giải thích. Tướng của duyên liễu thật sự giống như làm cỏ và trồng cây, không có hai năng lực này thì ruộng tánh không dồi dào. Từ “Chung luận v.v...” trở xuống là dựa vào giáo giải thích, có hai: Đầu tiên các giáo đều có đủ, nghĩa Tạng giáo Thông giáo thành lập hoàn toàn trái với tánh chủng. Biệt giáo tuy có sơ tâm biệt tu, mà chỉ có tu tánh không hai của Viên giáo, tuy nói đều có đủ nhưng phải phân rõ sự khác nhau này. hai từ “Nay chánh v.v...” trở xuống là hạn định dựa vào Viên giáo luận, có hai: Đầu tiên hạn định phân rõ hai nhân, có hai: Thứ nhất nói về hai thứ nhân quả, trong hai nhân này tạm thời ở tại chủng loại tu. Từ “Vốn nhân quả này v.v...” trở xuống bàn về căn bản của hai loại, có ba: Đầu tiên là nói chung về tánh đức, nhân quả trước còn ở trong tu, nay cùng tận nguồn gốc đó thì

tánh có đủ duyên liễu. Kinh Tịnh Danh chép. “Tất cả chúng sanh vốn có tướng Niết-bàn không thể diệt trở lại, vốn có tướng Bồ-đề không thể đạt được trở lại”, Khởi Tín luận trình bày hai đức chân như, nói rằng Như thật không - Như thật bất không, nên chỉ ra rõ ràng tam thiên tức là không - Tam thiên tức là Giả, đều là văn nói tánh đức duyên liễu. Từ “Đại kinh v.v...” trở xuống tách biệt dẫn ra văn giải thích, có hai: Đầu tiên dẫn chứng giải thích Liễu nhân, không nói về tam thiên uổng hiểu tất cả, chẳng phải Không - Giả - Trung thì đừng phân rõ tự không, tánh không như thật cùng với tất cả nhiệm vốn không tương ứng. Tất cả nhiệm: không ra ngoài ba hoặc, tự chẳng phải tánh vốn có tức không - Giả - Trung, há có thể không thích ứng với tất cả các nhiệm hay sao? Chính là rốt ráo không là tánh liễu nhân, cũng sử dụng các loại ấy, toàn tánh khởi tu mới thấy vốn có không. Từ “Lại nói v.v...” trở xuống là chứng cứ giải thích duyên nhân. Kinh chép: “Chúng sanh chính là tướng Bồ-đề và tướng Niết-bàn”, hoặc nói rằng “Trong lý có đầy đủ công đức của Phật”. Văn nay là chúng sanh có vị thiên của sơ địa và định diệt tận, há chẳng phải tánh đầy đủ pháp của Thiên - của Thanh-văn hay sao? Đã có đủ hai pháp này, các pháp của cõi khác làm sao không đầy đủ? Lại người đầy đủ hai định, nói theo hai loại tập quả và báo quả, há không cùng đầy đủ các tánh tướng hay sao? Không lấy lý đầy đủ mà hiểu rõ văn này, làm thế nào mong muốn gạt bỏ cho là diệt định, tánh đức duyên nhân chứng nghiệm ở đây. Từ “Dùng hai loại này v.v...” trở xuống là y tánh lập tu. Dùng hai loại này làm tánh chủng. Phương tiện v.v... là trí hành. Đầu ngọn lông ấy là loại chủng. Căn cứ vào loại tánh này, tu thành tựu trí hành cho đến hai nghiệm. Từ “Một khoa này v.v...” trở xuống không nói về Sáu tức. Ý chính của khoa này chỉ nói về Lý tức mà không luận đến năm vị. Từ “Hỏi trước v.v...” trở xuống kết thúc có đề kinh, chia làm hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh, trình bày hai nghiệm hiện tại cần phải có nguồn gốc đó, cho nên từ hai thứ mà được tên gọi. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Mười là Trí Đoạn, có hai: Đầu tiên là nêu ra sơ lược. Hai từ “Lối chung v.v...” trở xuống là mở rộng giải thích, có hai: Đầu tiên không hai mà hai là trình bày trí đoạn, chia làm hai: Đầu tiên dựa vào đường lối chung nói về hai đức. Nói đường lối chung, ở đây giải thích bao gồm cả Biệt giáo, lấy hữu vi - vô vi đối chiếu với trí đoạn. Nếu chỉ nói riêng Viên giáo, khổ tập còn vô tác - trí đức chẳng lẽ là hữu vi? Nhưng tên gọi tuy dựa vào Biệt giáo mà ý đó chỉ riêng ở Viên giáo. Bởi vì khéo tu ba quán được thành tựu trọn vẹn công lao đoạn đức. Lúc nhân lập ra điều

này có thể đến quả cần phải nghỉ ngơi, cho nên lấy hạnh vô tác tạm thời đặt ra tên gọi hữu vi. Đoạn đức gọi là vô vi tách biệt từ địa vị sau đạo, đây hãy còn lập ra giáo đạo, vì thế cho nên nói là “lối chung”. Văn này tự có hai: đầu tiên trí đức, có hai: Thứ nhất nêu ra tên gọi khác. Viên tịnh v.v... là trí cao nhất Viên - hoặc không còn cho nên Tịnh, bất sanh bất diệt gọi là Niết-bàn. Từ “Nói hữu vi v.v...” trở xuống là giải thích hữu vi. Trí tuy vô tác mà có công lao chứng đoạn, cho nên dựa vào Biệt giáo lập ra gọi là Hữu vi. Nhân tuy vô thường v.v... Trong kinh Niết-bàn chép: “Bởi vì người ngoại đạo chấp nhân là thường trở thành quả vô thường, Đức Phật sử dụng Biệt giáo dùng Nhân vô thường cảm quả thường trú, mà đối phá trừ, cho nên nhân vô thường còn ở Biệt giáo”. Dem nhân đến: Do hoặc chưa dứt cho nên khởi trí soi chiếu, một phần hoặc diệt đi thì một phần trí quên mất, do đó trí vô thường. Đã có dụng của soi chiếu nên gọi là hữu vi, quả đã không còn hoặc xứng với lý thường trú, trải qua vô vi tác, dem nhân gọi là quả vì thế khiến cho trí nhận được đầy đủ tên gọi hữu vi. Từ “Đoạn tức v.v...” trở xuống là đoạn đức, có hai: Đầu tiên nêu ra tên gọi khác. Giải thoát: không trói buộc gọi là Giải, tự tại là thoát, ở chỗ nhiễm mà không nhiễm gọi là giải thoát. Phương tiện v.v... Cơ phát sanh thì sanh ra, là sanh bất sanh, cơ diệt đi thì diệt, là diệt bất diệt. Quyền biến chỉ ra sanh diệt không bị đắm nhiễm chướng ngại, cho nên Niết-bàn này gọi là phương tiện tịnh. Từ “Nói vô vi v.v...” trở xuống giải thích nghĩa của đoạn, có hai: Đầu tiên phân biệt tiểu thừa, không biết ba loại thế gian thường trú, cho rằng phiền não diệt đi thì không có thân tâm, sao có thể tự tại gọi là Vô thế đoạn, chỉ giải thoát kiến tứ luống dối, chưa đạt được tam thiên ba đế tự tại. Từ “Đại thừa v.v...” trở xuống nói về Đại thừa, có hai: Đầu tiên đích thực nêu ra, ba giải thoát bậc Diệu giác gọi là Hữu Thế Đoạn. Nói đoạn là tùy ý vận dụng đoạn. Đã có trí đức hiểu rõ ba hoặc không, cho nên ở nơi chín đường ác tự xa lìa lẫn nhau. Tâm chúng sanh như tay bôi keo tiếp xúc vật không đều dính lại, tâm của chư Phật như tay rửa sạch sẽ tiếp xúc với vật không dính mắc, đã có nước trí rửa sạch keo đó, khiến cho dụng được thanh tịnh tự nhiên không dính mắc. Trí và đoạn đức này nói có thứ lớp, sử dụng không trước sau. Bởi vì tam thiên pháp rất ráo tức không, tên gọi trí đức này. Pháp tam thiên rất ráo tức Giải, là đoạn đức này. Pháp của tam thiên rất ráo tức Trung, là pháp thân đức. Đạo tiền đạo hậu đều là một tâm, Thông giáo còn là song lưu, viên quả lẽ nào tương đương phân cách? Từ “Cho nên, Tịnh Danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng, chứng minh Hữu Thế Đoạn, thấy nhận

chịu nghiệp báo toàn thể chính là pháp môn tánh ác. Như gia nghiệp bầy bấu của người giàu sang, phàm phu sanh ra mù lòa chuyển động vướng vít trở ngại, làm tổn hại vật báu, nhị thừa bệnh sốt cao thấy là con quỷ hung dữ trốn chạy rất xa, mắt người Viên giáo không mù không bệnh, thấy rõ ràng là vật báu tự nhiên sử dụng mang cho, chẳng những tiếp xúc không bị làm tổn thương sợ hãi, mà tự mình có thể dùng vật này cung cấp giúp đỡ người khác. Đối với chứng cứ này lý gọi là Tự cấp, lấy điều này lợi ích cho vật tức là Huệ tha. Đoạn đức hiện tại chính là ở Huệ tha. Những điều này đều do thể đạt, tu ác tức là tánh ác, nay trình bày địa vị rốt ráo thể đạt. Từ “Tịch mà v.v...” trở xuống là dựa theo lạng chiếu mà phân biệt phi đức. Thường trú lạng chiếu diệu sắc diệu tâm, mới gọi là tướng trang nghiêm của trí - đoạn, tiểu thừa đoạn diệt thân, trí đều quên, lấy gì mãi mãi cứu độ chúng sanh, lấy gì thường soi chiếu lý tịch lạng? Từ “Như thế v.v...” trở xuống là hai mà không hai - nói về ba đức, có hai: Đầu tiên dựa theo ngay nơi ba nói về lý cao nhất, có hai: Đầu tiên nói về hai, ba không khác, mà tịch lạng mà soi chiếu chính là trí - đoạn, chẳng tịch lạng chẳng soi chiếu tức là pháp thân. Hai đức đã cùng tận thì pháp thân là cao nhất, cũng gọi là rốt ráo ba thứ Phật tánh. Hai từ “Pháp thân v.v...” trở xuống là nói nhân quả không khác nhau, có hai: Đầu tiên tách biệt nêu ra ba pháp nhân quả, có hai: Thứ nhất pháp thân ẩn hiển. Thể của một đức Pháp thân chẳng phải nhân quả, nhưng có ẩn hiển, đây là vì duyên liễu nghịch thuận. Duyên liễu trái ngược tánh mà trở thành hoặc nghiệp, cho nên khiến chánh nhân chẳng phải ẩn mà ẩn, gọi là Như-lai tạng. Duyên liễu thuận theo tánh nên trở thành trí đoạn, vì thế khiến cho chánh nhân chẳng phải hiển mà ẩn, gọi là pháp thân. Tuy có ẩn hiển mà thể không hề thêm bớt, cho nên Đại kinh chép: “Chẳng phải nhân - chẳng phải quả”. Từ “Lại nói v.v...” trở xuống là hai đức tu - tánh, nhân này chẳng phải quả còn gọi là Phật tánh, Phật là quả xứng gọi, há chẳng phải quả pháp mà là nhân chủng hay sao? Quả này chẳng phải nhân lại gọi là Phật tánh, tánh là nhân xứng hợp, há chẳng phải người pháp làm quả đức hay sao? Không dùng tu tánh duyên liễu để hiểu, văn này làm sao giải thích? Từ “Phật tánh v.v...” trở xuống chung chỉ ra ba pháp nhân quả, có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa bày tỏ, trước đây tuy nhân quả chính là lẫn nhau - chẳng phải lẫn nhau, mà đều gọi là Phật tánh, nghiệm xét biết rõ duyên liễu thông suốt nhân - thông suốt quả. Lại nói: Phật tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả, bởi vì chánh nhân không tức Ngã ấm, do đó nói rằng chẳng phải nhân, duyên liễu không lìa Ngã ấm, cho nên nói đều là

nhân. Không tức do đó ở một điểm ở phía trên, không lia cho nên hai điểm ở phía dưới. Vì thế cho nên tánh ba mà không dọc không ngang. Lại nữa, chánh nhân không tức trí đoạn, cho nên nói chẳng phải quả, duyên liễu không lia trí đoạn, do đó nói chính là quả. Không tức cho nên một điểm ở phía trên, không lia cho nên hai điểm ở phía dưới. Vì thế cho nên quả ba mà không dọc không ngang. Do đó biết ba diệu thông suốt nhân quả, mới được gọi là tu tánh không hai. Từ “Cho nên Phổ Hiền Quán v.v...” trở xuống dẫn văn chứng minh, không thấu đạt ba diệu trước sau bao gồm liên tục, Phổ hiền quán văn có thể hiểu như thế nào? Từ “Trí đức v.v...” trở xuống lại dựa vào hai loại phù hợp văn kinh, nếu không phải là trí đức thường soi chiếu, sao có thể chính là xứng hợp - chính là thoát khỏi? Nếu chẳng phải đoạn đức điều hòa khắp cả, sao được thân giảng nói ứng với khắp nơi? Từ “Hỏi đáp trước v.v...” trở xuống là kết thúc quy về. Có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục. Từ “Hỏi mười loại nghĩa v.v...” trở xuống là nêu văn để chứng minh, có hai: Đầu tiên dựa văn không có lập nên chất vấn, thu nhận so với văn khác lập nên tổng mục đó, giải thích mười nghĩa về tên gọi của đề trích từ kinh khác, kinh này hoàn toàn không có văn này, sao tên gọi thu nhận tách biệt làm tổng mục vậy? Hai từ “Đáp đại v.v...” trở xuống dựa theo có nghĩa mà trả lời tất cả, có ba: Đầu tiên trình bày khai triển nghĩa trong nhiều kinh cùng sử dụng. Có hai. Đầu tiên căn cứ nghĩa pháp rõ ràng. Các bộ kinh đại thừa đều nói về Trung đạo, nên khiến có thể dùng nghĩa chung. Hai từ “Nếu không v.v...” trở xuống là để thầy người nghiệm xét, các Sư nói giải Thích Các kinh Đại thừa, hiển rõ lý thì phải nói về Phật tánh, chỉ ra hoặc thì chẳng gì ngoài năm trụ, há lấy kinh thường không có văn để vặn hỏi hay sao? Từ “Phẩm này v.v...” trở xuống lấy hai lần hỏi đáp nêu rõ nghĩa không thiếu sót, mười thứ biệt danh văn tuy không nêu ra, mà hai lần hỏi đáp chung nêu rõ mười nghĩa, trình bày như nhìn thấy tận mắt, cho nên nói là rõ ràng. “Nay đã v.v...” trở xuống là phân biệt từng câu một, chứng minh mười nghĩa, có hai: Đầu tiên kết thúc có nghĩa ở trước - mở ra có văn về sau. Trước nói trong văn không có mười tên gọi ấy, chỉ vì không thứ lớp trình bày nêu ra mười tên gọi. Nếu ở trong phẩm phân tán ra chọn lấy các câu, thì có văn có nghĩa vậy. Hai từ “Như văn v.v...” trở xuống dựa theo câu đối chiếu nghĩa. Nghiệp tự tại tức là pháp thân: hai thân chân ứng cũng gọi là sắc pháp, ứng thì hiện rõ sắc - chân thì ngấm kín pháp, tên gọi thuận theo các khế hợp cho nên nói là pháp thân, lý đầy đủ tất cả mỗi mỗi đều dung thông, tự tại nhất. Nghiệp là

đức nghiệp tức là trí đức. Chân thân khế hợp với pháp gọi là tự tại nghiệp. To cao đồ sộ là tiếp tục nói về tướng mạo cao xa vô cùng. Cao siêu như vậy chính là đầy đủ. Những lý trí bậc này phù hợp lẫn nhau, đều là danh nghĩa của chân thân. Nếu cả ba nghiệp không hiển bày ứng ấy thì phước đó không mất. Phải biết bí mật có công lao của ban cho và dứt trừ, tức là lợi ích ngầm kín. Thường hành xả là trí không rốt ráo không hề bị vướng mắc điều gì, cho nên thuộc về trí đức. Lại nữa, vì lập tức quán sát âm thanh thuộc về trí, đều được giải thoát là đoạn, đây làm sáng tỏ hai đức cùng lúc sử dụng. Nên biết rằng từng câu chứng minh nghĩa không chỉ nêu ra mười nghĩa có văn đó, mà cũng hiển bày mười lớp hai đức Trí đoạn có đủ lẫn nhau. Bốn là phân biệt, có hai: Đầu tiên là phân biệt, chia thành mười: Thứ nhất là phân biệt Người pháp, có hai: Đầu tiên hỏi: Kinh đó trình bày đầy đủ mười Pháp Vương Tử, ngoài Pháp Vương Tử Quán Thế Âm, tự có Pháp Vương Tử Phổ Môn, đã lấy Phổ Môn mà tên gọi ở tại người, nay giải thích Phổ Môn sao xác định thuộc về pháp? Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên là lập câu, có hai: Trước tiên sơ lược lập ra bốn câu, câu tuy có bốn nghĩa thật sự chỉ có hai, vì không ngoài tương phi và tức nhau. Như vậy hai nghĩa đều thông suốt Đại - Tiểu, ý nay ở Đại, mà nói về Tiểu thừa trong câu Tức - Lìa ấy, là muốn chỉ ra danh ngôn thì phải lấy lý xác định. Nói rõ về người pháp, nếu điều đó không dùng hai đế - Trung đạo, xét kỹ quyền thật đó mà chỉ nói Tức lìa thì làm sao có thể đích thực hiển bày tức nhau bây giờ? Hai từ “Nếu xét theo v.v...” trở xuống dùng bộ đối chiếu câu, có hai: Đầu tiên nói về người pháp tức lìa trong các bộ, chia làm bốn: Đầu tiên là Hoa Nghiêm, kinh ấy là Biệt giáo, duyên với pháp thật tướng, tu thứ lớp các hạnh, chưa có thể lập tức dùng pháp thật tướng, vì quán xét người và hạnh, thế nên người pháp không tức nhau. Viên quán không thứ lớp, lập tức dùng thật tướng để quán xét người và hạnh, thế cho nên người pháp lại tức nhau. Biệt giáo thì chứng đạo mới tức nhau, Viên giáo thì trước sau không hai. Hai là Tam Tạng, giáo này là Hữu Môn, quán người như sừng thỏ cho nên không có, ấm có sanh diệt cho nên thật, đây chỉ riêng câu Phi. Không môn hai hướng, thu nhận thật làm Giả - Giả thật chẳng như nhau, gọi là cùng câu Phi. Đã không lìa nhau lại gọi là tức nhau, hai môn của giáo này tuy nói về Tức - lìa, mà người và pháp đều chẳng phải Trung đạo. Ba là Phương Đẳng, bốn giáo cùng bàn Tạng - Thông chỉ hai đế, Biệt - Viên giống như Hoa Nghiêm. Bốn là Bát-nhã về sau ví dụ còn lại. Bát-nhã làm cho hết sạch tướng độn nói là chỉ không, giống như hai đế trước, lợi chia làm hai loại giống như

Biệt - Viên trước. Niết-bàn bốn giáo tuy đều biết thường mà sơ tâm sử dụng quán không thể không có sai khác, Tạng - Thông tạm thời cần phải thuận theo hai đế, người hàng sơ tâm Biệt giáo chưa lập tức là pháp Viên. Từ “Nay, Phương Đăng v.v...” trở xuống nói về chất vấn thuộc về câu tức của Phương Đăng. Từ “Nay, nói rõ v.v...” trở xuống thông suốt chất vấn, có ba: Đầu tiên đích thực dựa theo câu tức thông suốt chất vấn. Lần hỏi đáp trước trong phẩm này thì Quán Âm thuộc về người năng quán, sở quán há chẳng phải là pháp ư? Nếu lần hỏi đáp sau đã lấy Phổ Môn làm pháp sở chứng thì pháp này há không có người năng chứng hay sao? Phương Đăng đã xem Phổ Môn là người, có thể xem Phổ Môn chẳng phải pháp ư? Nói về đại ý đó, Quán Âm - Phổ Môn đều là pháp Trung đạo, tùy theo tất-đàn ích lợi lấy gì xem là người? Chỉ riêng Viên giáo trước sau tiếp xúc thu nhận thật tướng, mà làm người giả. Từ “Ví như v.v...” trở xuống là nêu lên vật thí dụ. Từ “Nay nghĩa Phổ môn v.v...” trở xuống lấy người pháp có đủ lẫn nhau kết thúc chỉ ra, có ba: Đầu tiên trình bày pháp đầy đủ người. Hai từ “Nếu bao gồm v.v...” trở xuống là nói về người có đủ pháp. Ba từ “Như thân v.v...” trở xuống lấy thân làm ví dụ, đều có thể thấy rồi. Thứ hai chọn lựa từ bi, có hai: Đầu tiên phân biệt danh tướng, Từ Bi có ba: Thứ nhất nói về đồng dị giữa ban cho (Từ) và dứt trừ (Bi), có hai: Trước là tướng ban cho và dứt trừ gồm cả câu hỏi, khổ trừ diệt tức là vui vẻ, như hết đêm thì sáng, vui vẻ đến thì khổ không còn, như đèn đến thì bóng tối bị xua tan. Hưởng đến nêu lên một loại lập thì có hai năng, vì sao Từ Bi mà phân thành hai pháp? Hai từ “Đáp thông v.v...” trở xuống là trả lời ban cho và dứt trừ không cùng. Một năng bao gồm cả hai, đây chính là chung nói về đối cảnh phát tâm, thật sự cần phải giới thiệu tách biệt, cho nên nêu lên hai thí dụ để làm sáng tỏ tướng riêng. Hai là trình bày hỷ xả thiếu sót và đầy đủ, có hai: Đầu tiên hỏi. Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên không hai là xả, bốn vô lượng tâm, xả bỏ không có tự thể riêng. Xa-ma-tha quán thể đã là định, định có thể mang lại niềm vui. Tỳ Bà Xá Na quán Thể đã là Tuệ, Tuệ có thể dứt trừ khổ đau. Hai quán không hai tức là Ưu-tất-xoa, cũng gọi là Bình Đẳng Xả, cho nên không hai mà hai thì lập thành Từ bi, hai mà không hai tức là đối với xả. Nay đã nói đối với không hai Từ bi, thì đã bao gồm xả cho nên không tách biệt lập nên. Hai từ “Hỷ là v.v...” trở xuống là khổ do thiếu mừng vui, có hai: Đầu tiên là giải thích theo pháp, nay nói Từ bi là lập nên thệ nguyện, vận dụng từ mang lại niềm vui, chúng sanh đã khổ đau sâu nặng, tức là phải vận dụng Bi, cả hai đều chưa toại nguyện làm sao có mừng vui? Lúc phước

tuệ đầy đủ công lao được hoàn tất, mới ban cho chúng sanh xin chúc mừng. Hai từ “Như A v.v...” trở xuống dẫn ra việc ví dụ. Vua A Luân Gia chính là em của vua A-dục, không quy y Tam Bảo, nhìn thấy anh dâng cơm cúng tăng bèn sanh ra hiềm khích đặt điều nói xấu, vua A-dục thấy thương xót tìm kế sách khuyên giải. Vương vào nhà ẩm giả nói đã băng hà, đốc thúc kế thừa ngôi vua, mới bước lên ngự toà thì vua A-dục lộ rõ phần nộ, tội đó đáng chết, thế là lệnh cho bảy ngày thọ nhận ngũ dục của bậc Đế vương, sai Chiên-đà-la từng ngày một đọc to rằng “chết”. Qua thời hạn rồi vua hỏi: Có vui sướng hay không vậy? Đáp rằng: Em nghe mấy ngày sẽ chết chỉ khổ đau mà không hề vui vẻ. Vua nói: Sa-môn quán từng niệm từng niệm diệt đi, tuy thọ nhận cúng dường mà lẽ nào có tâm mê đắm. A Luân biết rồi, xuất gia tu đạo đắc A-la-hán. Ít đau khổ được vui vẻ - tiếp cận sự việc có thể nghiệm xét. Chúng sanh cũng như thế, cho nên tâm Bồ-tát chưa sanh ra vui mừng. Ba từ “Vấn thiền v.v...” trở xuống là nói về các chi trước sau, có hai: Đầu tiên dựa theo trước sau để hỏi. Nay nói về bốn tâm từ bi hỷ xả, từ thường cho vui thì vui trước hỷ sau, vì sao trong thiền chi hỷ trước mà lạc sau? Sơ thiền có năm chi, gọi là Giác - Quán - Hỷ - Lạc và Nhất tâm. Nhị thiền có bốn chi, đó là Nội tịnh - Hỷ - Lạc và Nhất tâm. Tam thiền không có Hỷ. Tứ thiền không có Lạc. Nay dựa theo Sơ thiền và nhị thiền, đều là Hỷ ở trước chi lạc ở sau, ý đó là sao? Hai từ “Đáp thiền v.v...” trở xuống là trả lời theo Tự - Tha. Tự chứng đạt thiền chi từ thô đến tế, trước hỷ sau lạc. Lợi tha bốn đẳng tâm trước ban cho lạc, sau mới hỷ, cho nên thứ lớp đó khác nhau. Hai từ “Lại tiếp v.v...” trở xuống là phân biệt ban cho - dứt trừ có không, chia làm ba: Đầu tiên ngoại đạo niệm tưởng giả dối. Bốn thiền - bốn không và bốn vô lượng là mười hai môn thiền, căn bản của định. Thông suốt đối với trong ngoài đại tiểu thánh hiền, mà tu chứng. Nếu các ngoại đạo và phàm phu chánh tín tu từ bi hỷ xả, tự chứng được định này, suy nghĩ giả dối rằng chúng sanh xa lìa đau khổ đạt được niềm vui, đối với người khác không ích lợi gì, thì tự mình tuy tạm thời ích lợi mà không tránh khỏi lui sụt. Từ “Nếu Nhị thừa v.v...” trở xuống là nói về tự lợi của nhị thừa. Nhị thừa tu tứ vô lượng này tuy không ích lợi cho người, mà tự mình dứt trừ phần đoạn đạt được Niết-bàn nhỏ bé. Ba từ “Nay Bồ-tát...” trở xuống là nói Bồ-tát lợi ích rộng khắp, có hai:

Đầu tiên nói về hạnh vượt lên trên phàm Thánh, không giống như phàm phu ngoại đạo tùy theo thiền mà thọ sanh, khác với Thánh hiền tiểu thừa chỉ tự mình dứt trừ khổ đau, lợi ích chẳng phải hai loại sanh

- pháp duyên từ, mới có thể dùng pháp giới vô duyên ban cho hay cứu giúp, khiến cho các chúng sanh xa lìa tất cả các khổ đau đạt được niềm vui rốt ráo.

Hai là nói đồng thời ban cho và cứu giúp, từ bi Vô duyên không hai mà hai, sử dụng chẳng khác thời, phân biệt khiến hiểu rõ cho nên đều giải thích mà thôi. Nói trước nói về sự dứt khổ v.v... ấy là thuận theo bốn hòaai cho nên trước nêu ra đối với từ. Nếu thuận theo thứ lớp sử dụng trước cứu giúp sau ban cho, vì thế cho nên bốn thế thuận theo dụng làm thứ lớp.

Thứ ba là phân biệt Phước Tuệ, có hai: Đầu tiên xác định lý do phước trí ban cho và cứu giúp, có hai: Thứ nhất hỏi, thứ hai đáp. Nhân tu phước tuệ, đến quả thì thành tựu hai đức trí - đoạn. Đức này không hai với thể tánh chúng sanh, cho nên gọi là Quán Âm gọi là người trí đức, tức là thường hiển bày triệu tập bốn tánh liễu chủng, vì thế cho nên có thể trừ diệt nổi khổ mê hoặc tối tăm. Nếu đối với Phổ Môn đoạn đức ứng thân, tức là có thể dẫn khởi bốn tánh duyên chủng, vì thế cho nên đạt được niềm vui của nhân quả. Nếu không như vậy, làm sao gọi là đường cảm ứng giao nhau? Từ “Hỏi phước v.v...” trở xuống phân rõ phước tuệ nhất dị thị phi, có hai: Đầu tiên dựa theo ngăn cách khác nhau để chất vấn. Đưa ra đầy đủ tướng để chất vấn nay ngăn cách khác nhau. Hai từ “Tự có v.v...” trở xuống là trả lời theo Thiên - Viên, có hai: Đầu tiên lập ra bốn câu về Tức - lìa, Đại tiểu đều có bốn cho nên biết Tức Ly tên gọi như nhau mà nghĩa khác nhau. Hai từ “Như sáu v.v...” trở xuống là thông suốt các giáo Thiên - Viên, có hai: Đầu tiên là nói Tức lìa Câu Phi của ba giáo, có hai: Trước tiên là nói tiểu thừa khai hiển, có hai: Thứ nhất Tam Tạng, một vị Bồ-tát được hai câu Tức, La-hán bạch tượng được hai câu ly, tuy có Tức - Lìa mà cùng ở tại tam tạng. Từ “Nếu đại v.v...” trở xuống là Đại thừa, dựa theo Địa tiền Biệt giáo để nói về bốn câu, đầu tiên đối chiếu hạnh hành với tuệ hành mà làm phước tuệ. Không phá vô minh cho nên đều gọi là phước, tức là hai phước này thường phá trừ tướng chấp. Lại nhận được tên gọi là trí, cho nên phước trí này thích hợp hai câu Tức. Lại nữa, phước trí Địa tiền đều ở tại vô minh, cho nên đều gọi là phước; phước trí ở trên phá trừ vô minh từng phần, cho nên đều gọi là trí. Phước trí này thích hợp hai câu Phi. Vì thế hai loại bốn câu chẳng phải phước trí này. Từ “Phương đẳng v.v...” trở xuống ví dụ hai bộ. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống trình bày khai hợp câu thị (đều đúng) của Viên giáo, có hai: Đầu tiên giải thích, có hai: Trước hai mà không hai, có ba: Thứ nhất nói về tức nhau,

một tâm ba chỉ là phước, một tâm ba quán là tuệ. Bắt đầu từ Lý tánh, rốt ráo nơi cực quả, định tuệ không hai là hai tức này. Hai từ “Cho nên Đại Luận v.v...” trở xuống nói về lẫn nhau cũng đủ. Bát-nhã đã là cái thấy của người tôn quý tuyệt vời, nghiệm biết tuệ có đủ phước, do đó tôn diệu tức là Thượng Định. Luận tức là Đại luận, nơi đó phiên dịch Thủ Lăng Nghiêm là kiện tướng. Tam-muội đã có thể phá trừ địch mạnh kia, nghiệm biết phước đầy đủ tuệ, cường địch tức là vô minh trước kia. Ba từ “Đại kinh v.v...” trở xuống là nói về tên gọi khác nhau. Trong năm tên gọi, Bát-nhã Sư Tử Hống là tuệ, Lăng Nghiêm Kim Cương là định, Phật tánh là tên gọi chung. Đã là tên gọi khác nhau cùng nổi bật một thể, vì thế cho nên năm tên gọi là đều xứng hợp với đầy đủ cả hai. Lại bởi vì không ngại thiên tuệ để kết luận không hai. Từ “Không hai v.v...” trở xuống là hai mà không hai, pháp tuy không hai, mà không trở ngại phân môn đều làm danh số mà vì đó giải thích. Từ “Đây là v.v...” trở xuống là kết luận, luận tuy nói theo phân môn biệt tướng mà nói, nhưng cần phải biết thiên tuệ rốt ráo không hai.

Thứ tư phân biệt Chân ứng, có hai: Đầu tiên đích thực phân biệt chân ứng, có hai: Thứ nhất lập câu. Hai từ “Nếu chẳng phải v.v...” trở xuống là phân biệt nêu ra, có hai: Đầu tiên là phân biệt ba câu Phi ở trước, tạm thời chọn phạm phu Tiểu thừa thật sự bao gồm chung riêng. Thông giáo khôi đoạn giống như nhị thừa Tạng giáo, Địa tiền tác ý không phải không mưu cầu ứng, đầy đủ sáu căn thanh tịnh tuy toàn tánh phát khởi, nhưng biệt hoặc đang còn cho nên không gọi là chân ứng. Từ “Cũng chân v.v...” trở xuống là nêu ra một câu sau, đây tức là chân mà ứng thường bàn luận của thế gian. Tự xả bỏ tông nay thì chẳng biết hết sự tuyệt diệu đó, đều vì Sư khác không biết tánh ác, dẫn đến khiến cho khởi ứng không thể nào không mưu cầu, uống nói về Từ của vô duyên, không suy xét kỹ ý chỉ của vô duyên. Từ “Nay dựa theo v.v...” trở xuống bao gồm xác định thường và gián đoạn, có ba: Đầu tiên cùng hưởng về tạm thời phân biệt, dùng hai đoạn kinh khác nhau đối chiếu với thường gián đoạn. Từ “Thường và gián v.v...” trở xuống là cả hai hưởng tới có đủ lẫn nhau, có hai: Đầu tiên lập ra. Hai chim: Đại kinh thứ tám ở phẩm Điều Dụ chép: “Người thiện nam! Có hai giống Chim: Một tên là Ca Lân Đề, hai tên là Uyên Ương. Bay ở cùng nhau đều không xa lìa nhau”. Phẩm này trả lời trước đây, sao nói cùng chung hạnh Thánh? Sa-la-Ca-lân-đề, xưa giải thích hoặc nói: “Sa-la một đôi - Lân đề một đôi”. Hoặc nói: “Sa la một đôi, Lân đề một đôi”. Hoặc nói Sa la phiên dịch là Uyên ương”. Chương An nói: “Nhưng người Hán không giỏi âm

Phạn, chỉ tăng thêm tranh luận, ý ví dụ là lấy sự thư hùng cùng nhau đi lại hay dừng lại đó, để dụ cho trong sanh tử - Niết-bàn đều có thường và vô thường, đang cao đang thấp cả hai bay lên cả hai dừng lại, ngay nơi sự mà là Lý, ngay nơi Lý mà là sự. Mở rộng ở số kia. Nay dụ hai thân thường và gián đoạn hai lợi ích không thể nào xa lìa nhau ấy, chính là Quán Âm phần chứng hai dụng thường vô thường trong Niết-bàn. Hai từ “Nếu tiểu..” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chân lý tiểu thừa thiên nhiên là thể của Phật tánh, Thiệt Cát quán thấy thường không gián đoạn như vậy, đối với Liên Hoa Ni tựa như có gián đoạn, cho nên quay về hai Thánh nói về thường vô thường. Đây chính là chân thân tự có hai lợi ích, tướng thân tượng sáu đối với người có duyên thường được nhìn thấy. Nếu vô duyên cũng không thấy nơi chốn, há chẳng phải ứng thân cũng có hai lợi ích hay sao? Hai từ “Đại thừa v.v...” trở xuống là Đại, thân pháp giới của Phật chưa hề không ích lợi, đối với người tình chấp mà trở thành gián đoạn diệt mất, chân có cả hai. Thân ứng hóa của Phật tùy căn cơ chúng sanh thành thực mà xuất hiện và tàng ẩn không đứt quãng, ứng thân thường lợi ích. Thấy và không thấy khác nhau khiến cho ứng không thể thường, lại thành ra lợi ích gián đoạn. Do đó biết hai thân đều có đủ hai lợi ích. Từ “Mà nay v.v...” trở xuống là thuận theo văn tách biệt đối chiếu. Văn trước liền xưng niệm thì cảm ứng ngay, tách biệt đối chiếu nghĩa thường lợi ích của chân thân. Văn sau hiện rõ tướng sanh diệt, tách biệt đối chiếu nghĩa lợi ích gián đoạn của ứng thân.

Thứ năm là phân biệt Dục Châu, có hai: Đầu tiên nói theo nghĩa có đủ lẫn nhau. Chỉ dựa vào ví dụ nói tức là hiển bày chân ứng đều thường ban cho và cứu giúp, đây là dùng hết lý rồi. hai từ “Nếu biệt v.v...” trở xuống chính là văn tách biệt đối chiếu. Văn trước từ diệt khổ đau gọi là Dục thân, văn sau mang lại niềm vui gọi là Châu thân, tạm thời thuận theo văn kinh làm thành sự tách biệt đối chiếu này.

Thứ sáu là phân biệt Ẩn Hiện - Ba mươi sáu câu ấy là ẩn hiển cơ ứng đều nói về bốn câu. Ẩn cơ: Thiệt quá khứ năng cảm. Hiện cơ: Thiệt hiện tại năng cảm. Cơ vừa ẩn vừa hiển: Nghiệp Thiệt quá khứ và hiện tại cùng chung năng cảm. Chẳng ẩn chẳng hiển cơ: Không có thiện quá khứ và hiện tại, sẽ có thể phát sanh thiện mà năng cảm. Ẩn ứng: là pháp thân. Hiện ứng: là ứng thân. Ứng vừa ẩn vừa hiển: Hai thân đều ứng. Ứng Chẳng ẩn chẳng hiển: cũng là pháp thân, chỉ vì không thấy không nghe mà biết mà hiểu là ẩn ứng. Không thấy không nghe, không biết không hiểu tức là cả hai chẳng phải ứng. Do đó hai

ứng này đều là pháp thân trong quả. Nhận thức tám thứ rồi, đối lập với nhau đối chiếu lẫn nhau đầy đủ mà nói thành mười sáu câu. Dựa theo cơ cảm ứng - dựa theo ứng phó cơ, tất cả thành mười sáu, cộng thêm bốn căn bản tức là ba mươi sáu câu. Nếu hiển rõ ý này thì chẳng chúng sanh nào không thể cảm - không thời gian nào không thể ứng, diệt trừ các tà kiến nhận Thánh ân sâu sắc, cũng biết tất cả chúng sanh không một ai không thành Phật.

Thứ bảy là phân biệt quyền thật, có hai: Đầu tiên xác định văn để lập nên chất vấn, chân tức là Thật, giả tức là Quyền. Văn trả lời thấy đầy đủ bốn thứ tướng. Hai là lập nên câu trả lời thông suốt, có hai: Đầu tiên luận tương tận có đủ lẫn nhau. Chân trí kín đáo. Ứng có thể có cạn sâu. Bảy nạn - hai mong cầu tránh khỏi khổ đau trong sự, là quyền thoát do. Xa lìa ba độc căn thành Phật không nghi ngờ là thoát hoặc chướng ngại. Thật Quyền trí hiển ứng được độ, thoát không như nhau. Thấy thân nghe pháp phá trừ mê hoặc hiển bày lý, là độ thật. Trong sự sợ hãi khó có được vô úy ấy là độ nơi Quyền. Người căn cơ thuần thực, đối với hai trí này đạt được lý quyền - thật, gọi là đều độ. Xa lìa chướng nạn sâu gọi là đều thoát. Cơ phát sanh trở lại nơi này, vì thế cho nên đều gọi là không độ - không thoát, vì hai cơ sở nói nên tạm thời phân biệt.

Thứ tám phân biệt Bồ Tịch, có hai: Đầu tiên Bồ Tịch đều ban cho - dứt trừ, có hai: Thứ nhất tất cả đầy đủ hai Dụng. Hai từ “Phi bốn v.v...” trở xuống là tướng căn cứ vào sát văn, chẳng phải thoát khỏi tích của các khổ, thì không nói lên Bồ của một chân, cho nên lần hỏi đáp trước là nói về Tích Bồ, chẳng phải chứng minh Bồ của ngàn Như, thì không lưu truyền Tích của mười cõi giới, do đó lần hỏi đáp sau là nói về Bồ Tịch. Từ “Hỏi bốn v.v...” trở xuống là Bồ Tịch, khác với Chân ứng, có hai: Đầu tiên hỏi. Hai là trả lời. Các kinh đã nói bắt đầu từ Địa trú rốt ráo đến Đẳng, Diệu, một phần chân sáng tỏ thì một phần ứng khởi lên, đâu chỉ một đời thực sự ở nơi đương niệm hay sao? Phân rõ tên gọi quyền này, tách biệt nói về Bồ Tịch. Như phẩm Thọ Lượng, thì nay nói cửu viển là Bồ. Các kinh và tên gọi Tích Môn đã nói, tiếp cận mà thành là Tích. Đã dựa theo lâu xa, gần kề, vì thế cho nên tên gọi dựa vào suốt ba đời mà luận. Trước đây nói về Quán Âm phần nhiều dựa vào thể dụng mà nói về Bồ Tịch, nay làm sáng tỏ bộ cho nên dựa theo lâu xa gần kề mà nói về Bồ Tịch.

Thứ chín phân biệt Duyên Liễu, có hai: Đầu tiên dựa theo đương tông hỏi đáp, có bốn: Đầu tiên nói về thiện ác pháp môn - tánh đức đều đầy đủ, có hai: Một. Hỏi: Duyên có thể giúp đỡ Liễu - Liễu nói lên

Chánh nhân, Chánh nhân rốt ráo hiển bày thì thành tựu quả Phật. Nay nói về tánh có đủ hai nhân Duyên và Liễu, chính là tánh đức có đủ hướng về thiện để thành Phật. Nếu tạo ra chín cội thì cũng đợi đến nhân duyên. Chín cội so với cội Phật đều gọi là ác, các ác những cội giới này tánh vốn có đủ hay không? Hai. Trả lời: Chỉ một chữ cụ (đầy đủ - vốn có- có) càng hiển bày rõ tông này, vì tánh có đủ thiện các Sư cũng biết, có đủ ác liễu duyên người khác đều không lường được, cho nên Ma-ha Chỉ Quán nói về tánh ba ngàn, Diệu Huyền Văn Cú đều nêu ra ngàn pháp, thấu suốt đối với tu tánh, văn đó đã rộng nhiều mà nghĩa khó làm sáng tỏ. Vì thế cho nên trong này nói lược về thiện ác, nói lên tánh vốn có đủ không thể thay đổi, danh ngôn đã sơ lược thì người học dễ tìm kiếm. Nếu biết thiện ác đều là tánh vốn có tánh không gì chẳng dung thông, là mười cội - trăm cội - một ngàn- ba ngàn. Do đó người đạt được ý lấy điều này để bàn luận, hướng về văn chỉ quán không thể nói khó nhiều không ít. Hai là nói Xiển-đề và Phật chỉ dứt trừ thiện ác trong tu, có hai: Một. Hỏi: Nhất Xiển-đề, Hán dịch là Vô dục, bởi vì đối với Niết-bàn không có vui mừng mong muốn. Lại phiên là Tín bất cụ, vì không tin nhân quả thiện ác đó, đã không có ham muốn không có niềm tin thì gọi là dứt trừ thiện không còn. Phật đã vĩnh viễn xa lìa năm trụ hai tử cho nên gọi là dứt trừ ác không còn. Thiện ác đã là lý tánh vốn có đủ, thì không thể dứt trừ vậy sao thiện ác Xiển-đề và Phật dứt trừ không còn: hai là Trả lời: rằng tất cả các pháp không thể thoát khỏi thiện ác, đều là tánh vốn có đủ chẳng thích hợp nay mới có. Vì thế nói: “Pháp trú pháp vị tướng thế gian thường.” Nếu vì tu mà có làm sao thường trú được? Đại kinh nói: “Mười hai nhân duyên chẳng phải Phật - Tu-la-người - trời v.v... tạo ra, không phải tánh có đủ làm sao có thể chẳng tạo ra?” Khởi Tín chép: “Tất cả các pháp chân thật không thể bỏ đi. Nếu chẳng phải chánh có đủ sao có thể đều là chân? Vì tánh có đủ nhân duyên nhiễm tịnh, bắt đầu làm nhân duyên nhiễm tịnh trong tu, mới có phát sanh pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu nói đầy đủ điều ấy, thì vốn có đủ ba ngàn làm tánh thiện ác, duyên khởi tam thiên làm tu thiện ác. Tu đã thiện ác, mới có thể nói về sự nghịch thuận của nhiễm tịnh. Xiển-đề là cùng cực của nhiễm nghịch, cho nên nói dứt trừ tu thiện không còn Phật là điểm cực cao của tịnh thuận, cho nên nói dứt trừ tu ác không còn. Nếu tánh đó vốn có tam thiên thiện ác, thì Xiển-đề và Phật chẳng đoạn mảy may”. Ba là nói về lý do không đoạn thiện ác trong tánh, có hai: Một. Hỏi. Hai. Trả lời, có hai: Đầu tiên dựa theo lý trả lời. Thiện ác là tánh - tánh thì không thể nào thay đổi làm sao có thể

dứt trừ vậy? Đã không thể thay đổi, nhưng là pháp môn của thiện ác. Pháp gọi là có thể khuôn mẫu, khuôn giữ gìn sắp xếp tự thể không mất không hoại, lại có thể vật khuôn mẫu mà phát sanh hiểu biết. Môn là thường thông suốt, có thể đi ra có thể đi vào, chư Phật hướng về môn mà đi vào thì tu thiện trọn vẹn đầy đủ - tu ác dứt trừ không còn, Xiển-đề là bỏ môn mà đi ra, thì tu ác tràn đầy sung túc - tu thiện dứt trừ tất cả. Con người có hướng về - rời bỏ mà môn rất ráo không thay đổi. Từ “Thí như v.v...” trở xuống là đưa ra thí dụ tương tự. Ma thiêu đốt kinh Phật như Xiển-đề dứt trừ tu thiện, tánh thiện không hết bởi vì pháp hợp lại. Phật đốt cháy sách vở xấu ác như dứt trừ tu ác, pháp ác môn còn tức là hợp lại. Thiêu đốt kinh sách hãm hại nhà nho, cả hai dụ cho hai người dứt trừ tu thiện tu ác, há có thể cùng hợp lại hay sao? Bốn là nói về Xiển-đề và Phật mê - đạt - khởi - bất khởi khác nhau, có hai: Một. Hỏi: Hai người thiện ác đã đều dứt tu mà còn ở tánh, tại vì sao về sau Xiển-đề phát khởi tu thiện, Như-lai tại vì sao không khởi lên tu ác? Hai. Trả lời, có hai: Đầu tiên là vì hiểu thấu suốt cho nên không khởi lên thật ác; Xiển-đề vì tà si dứt trừ đối với tu thiện, đã không có thể thấu suốt tánh thiện vốn không, cho nên được nhiễm thiện mà tu thiện được phát khởi. Phật dùng tuệ không dứt trừ đối với tu ác, hiểu thấu suốt tánh ác xưa nay thanh tịnh, ác không thể vấy nhiễm cho nên tiêu tan tu ác. Từ “Vị tự tại v.v...” trở xuống là vị tự tại, cho nên thường phát khởi quyền ác, Phật thường thấu suốt ác đối với ác tự tại, hiện ra ác gồm thâu chúng sanh không vấy nhiễm không phát khởi. Nếu Xiển-đề như vậy thì gọi là Phật rồi. Từ “Nếu y v.v...” trở xuống là phá nghĩa khác hiển bày chánh, có hai: Đầu tiên nói nghĩa không hợp của nơi khác, có hai: Một là nói nơi khác được tu mất tánh. Tha tức là Tương Châu - Bắc đạo từ trước đời Trần - Lương, là Hoàng Địa luận sư. Lại có sư Nhiếp Đại thừa, cũng giống như giải thích của người Địa luận. Họ nói A-lợi-da là sở y của vô ký - vô minh - thiện ác, thường nắm giữ tất cả hạt giống thiện ác. Xiển-đề chỉ dứt trừ cái thiện của hiện hành, sau làm hạt giống huân khởi cho thiện. Phật dứt trừ thức này không có hạt giống ác xông ướp, không bao giờ phát khởi ác, vẫn giải thích điều phục câu hỏi, Phật dứt trừ hạt giống ác, làm sao hiện ra ác hóa độ các chúng sanh? Vì thế giải thích rằng chỉ dùng thần thông biến hóa hiện ra ác để hóa độ chúng sanh mà thôi. Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống là chất vấn họ tác ý giống như ngoại đạo. Dứt ác không còn mà thần thông biến hóa hiện ra ác, toàn là tác ý, chẳng giống như gương sáng vô niệm mà hiện ra. Tuy Tương Châu - Nam Đạo - Hoàng Địa luận giả, dùng pháp tánh làm cơ sở để luận hạt

giống, nhưng không hiểu là tánh có đủ các pháp môn ác, hiện ra ác hóa độ chúng sanh cũng không có thể tránh khỏi sai lầm của tác ý. Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về Diệu Chỉ hiện tại, có hai: Đầu tiên chính thức trình bày do tánh có đủ thiện ác khởi lên quyền thật thiện ác, chia làm hai: Một. Chính thức nêu ra nghĩa này, Xiển-đề thành Phật - Chư Phật hiện ra ác. Nếu chẳng phải không dứt trừ tánh thiện tánh ác, thì nghĩa không thể thành tựu. Từ “Vì có v.v...” trở xuống kết thúc thành tựu Diệu chỉ. Đoạn - Thường gọi là người Thông - Biệt duyên với lý dứt chín loại. Ví nhất định đoạn chín loại nên mờ mịt tánh ác, gọi là đoạn kiến. Không có thể quên duyên là còn tu ác, gọi là thường kiến. Từ Niết-bàn về trước đều gọi là tà kiến. Đây là nói vậy chăng? Đoạn tu còn, tánh đã xa lìa đoạn thường, chính là dứt bật nghĩa tất cả biên, tà và các thứ tư duy, đây là Diệu chỉ ngộ hầu gạt bỏ ngưng trệ nơi tình. Từ “Như-lai v.v...” trở xuống tiếp tục trình bày nguyên do thấu suốt, không thấu suốt, tự tại - không tự tại. Hiện ra ác thấu suốt chẳng lẽ có thể nhiễm ác hay sao? Ranh giới ác ranh giới thật, tướng ràng buộc tướng thoát khỏi, phi đạo Phật đạo, vì hiểu thấu suốt cho nên không có chấp mắc ngăn trở. Xiển-đề không thể như vậy cho nên mãi mãi khác nhau.

Thứ mười là phân biệt Trí Đoạn, có hai: Đầu tiên là nói hai đức đồng thời, có hai: Một là nêu ra một pháp chất vấn về hai dụng ban cho và dứt trừ. Đã là một pháp mà đặt ra tên gọi khác nhau, chắc chắn không có gì hạn cuộc, tại vì sao dứt trừ và ban cho, nhất định thuộc về trí đoạn. Hai từ “Nhưng mà v.v...” trở xuống dựa theo thân tâm. Thuận theo hai nghiêm lập nên tên gọi, tên gọi từ nghĩa lập nên chẳng thể không có thân sơ. Tâm hiểu thông suốt linh hoạt thuộc về trí, sức lực của thân tự tại thuộc về đoạn. Tâm thì trí tuệ trang nghiêm, thân thì phước đức trang nghiêm. Hai nghiêm này thích hợp đối với dứt trừ và ban cho. Từ “Nay kinh v.v...” trở xuống chỉ ra hai văn nêu lên lẫn nhau. Hai đức trí đoạn đâu hề xa lìa nhau, nay tạm thời tất cả nói ảnh hiện rõ ràng lẫn nhau, đoạn trước nói về trí, đoạn sau nói về đoạn. Từ “Nếu hiểu sâu v.v...” trở xuống kết luận chung về ích lợi. Nêu lên mười cặp này để làm nghĩa ví dụ, ngộ hầu người thực hành thông suốt khắp tất cả. Nếu thế thì giải thích đề mục này không giới hạn. Thứ hai là tách biệt giải thích, có hai: Đầu tiên là nêu ra, nghĩa là phân văn người và pháp giải thích từng phần riêng. Từ “Vì nhân duyên gì v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên là giải thích Quán Thế Âm, có hai: Một là kết thúc trước phát sinh hai đoạn sau. Hai từ “Thế nào là cảnh trí v.v...” trở xuống dựa vào tách biệt đích thực giải thích, có hai: Đầu tiên

phân biệt chỉ ra cảnh trí, có hai: Thứ nhất nêu ra khoa - Lý bên ngoài, lý bên trong của cảnh trí có thể nghĩ bàn. Ở đây có khác với văn khác nói. Hoặc như nghĩa của bốn giáo dùng hai đế Tạng và Thông làm lý ngoài, hai đế Biệt - Viên làm lý trong. Bởi dựa theo chân đế chẳng phải Phật tánh, cho nên nói là lý ngoài. Nếu Tịnh Danh Huyền Nghĩa lấy Diển Môn Tam Giáo, đều là hai đế lý trong, bởi do chân đế Thông giáo cũng bao gồm trong đó. Nay văn thông vì người ngoại đạo và bốn giáo phát khởi các kiến giải, đều gọi là cảnh trí của lý bên ngoài có thể nghĩ bàn. Cho nên dẫn ra Trung Luận để làm năng phá. Nếu cảnh trí của lý bên trong có thể nghĩ bàn, thì đã phá trừ bốn tánh quán lý chứng chân, chính là nghĩa Thông giáo bao gồm Tam Tạng. Nếu về cảnh trí không thể nghĩ bàn, chính là chỉ riêng cho Viên giáo cũng bao gồm Biệt giáo. Viên giáo đầy đủ Sáu tức - Biệt giáo ở tại hậu tâm, có hai: Một là từ “Cảnh trí thiên nhiên” v.v... là thiên hạ giải thích về tướng, có hai: Đầu tiên nói về cảnh trí có thể nghĩ bàn, có hai: Trước tiên dựa theo lý ngoài, có hai: Thứ nhất lập thành bốn, gọi là thiên nhiên, tương đãi, nhân duyên, tuyệt đãi. Bốn cặp này chính là tên gọi khác của bốn tánh. Sử dụng tên gọi là, sơ lược có hai ý: Một là chỉ ra danh ngôn có cả tà chánh, cần phải theo lý nghi ngờ xác định đúng sai. Tạm thời như thiên nhiên cho đến tuyệt đãi, vốn gọi là Viên cực nay ở ngoài lý. Vì thế biết không thể dùng tên gọi quy định lý. Hai là trình bày lý ngoài không hoàn toàn là ngoại ngoại. Ý khiến cho người bên trong đừng đối với chánh pháp sinh ra tánh suy tính. Do đó đặt tên nên gọi định rõ nhìn thấy sai lầm. Còn trong bốn câu đều xem xét cả hai là, nói về nguyên nhân bởi vì cảnh trí đều có tự phát sanh những sai lầm. Đầu tiên trong thiên nhiên - nói do trí cho nên cảnh, do cảnh cho nên trí ấy là mượn tương đãi kia để biểu hiện thiên nhiên này. Hai là tương đãi là cảnh tiếp đãi trí thành tự - trí tiếp đãi cảnh lập ra. Ba là nhân duyên ấy là chẳng phải đều là một mình tự - một mình Tha, mà trở thành cảnh, chính là tự - tha hòa hợp mới trở thành ở tại cảnh, nhân duyên tức là tự - tha. Trí cũng như vậy, đây chính là cộng tánh. Bốn là tuyệt đãi, một mình Tự một mình Tha và tự tha cùng nhau, đối đãi này đều bật dứt. Dựa theo không có ba câu, thường tình cho rằng: Một là hướng về lập ra tên gọi tuyệt đãi hoàn toàn chẳng phải bất lý. Hai từ “Đều là v.v...” trở xuống là phá bỏ, có hai: Đầu tiên dựa chung theo tánh chấp gạt bỏ, có ba: Một là dựa theo lý ngoài gạt bỏ. Cảnh trí ở trên đã thuộc về bốn tánh không thể đi vào ba đế nên nói là lý ngoài. Từ “Cho nên Trung luận v.v...” trở xuống là dẫn ra Trung luận để gạt bỏ, pháp xa lìa bốn tánh sao chấp là bốn? Ba từ “Kế chấp

v.v...” trở xuống dựa theo sai lầm phát khởi để gạt bỏ, lý ngoại vọng tương đối với bốn kế chấp, tự chấp ấy là thật, người khác nói ấy đều là dối, kiến hoặc đã tràn đầy thì ái sử cũng tăng thêm, kiến ái cùng thêm tức là chín mươi tám thứ, do đó tạo nghiệp chịu khổ vô cùng tận. Từ “Thế nào nói v.v...” trở xuống tách biệt chỉ ra bốn tánh sai lầm, có hai: Đầu tiên là tự phát sanh, có hai: Trước đưa ra sai lầm, có hai: Thứ nhất dựa theo năng mê - sở mê, có hai: Một là năng mê các hoặc, tùy theo chấp một thứ liền phát sanh mười sử, trong lợi có độn tức làm trái sử trên, trải qua ba cõi bốn đế, thành ra tám mươi tám thứ, tuy khắp cả ba cõi cho đến bốn đế, mà tùy đó phát sanh một kiến tức là có thể đầy đủ khởi lên ở một xứ, lý hiển bày lập tức có thể trừ diệt, thì gọi là Thông gọi là lợi sử phiền não. Nếu tư duy hoặc giới trói buộc không như nhau, đã chẳng phải mê lý không thể đối chiếu bốn đế chỉ trải qua ba cõi mà thành mười sử, đầy đủ trước kia mới thành chín mươi tám sử. Từ “Đây tức là v.v...” trở xuống là các pháp mê mờ, tức là bốn thứ bốn đế - bốn thứ Tam bảo. Hai từ “Nếu làm v.v...” trở xuống là dựa theo năng chấp sở chấp, có hai: Đầu tiên năng chấp tánh kế, có hai: Thứ nhất chính là phân định thuộc về kế chấp, cho dù học Phật pháp, nếu chấp cảnh trí tự thiên nhi nhiên (tự nhiên như vậy), nếu chiếu soi hay không chiếu soi thường là cảnh trí, Ngã kiến không quên ấy là chỉ tăng thêm sanh tử, hoặc nghiệp đã tràn đầy, luân hồi hoàn toàn như ngoại kia. Hai từ “Cho nên, Đại luận v.v...” trở xuống là dẫn Đại luận chứng minh, luận kia nói về nghĩa ba loại Ngã rằng: Ba loại Ngã phàm phu, đó là ngã mạn danh tự, người học hai loại, vô học một loại. Kiến tức là lợi sử sơ quả lập tức dứt trừ, cho nên nói người hữu học hai loại. Mạn tức là độn sử tứ quả mới hết, cho nên nói vô học một loại. Chỉ tùy theo thế tục phân biệt kia đây, mà có tên gọi của Ngã. Nói ba loại ngữ, tức là ba loại ngữ ngã không như nhau.” Hai từ “Nay phàm v.v...” trở xuống là chánh giáo sở chấp, vì tâm kiến mạn sử dụng lời trong kinh luận, như con sâu ăn mòn thành chữ không biết đúng sai, chỉ tăng thêm kiến mạn tức là không biết sai, vì điều này ngăn cách lý gọi là không biết đúng. Vì thế mờ mịt đúng sai, uống thuốc bất tử mà xảy ra chết non. Từ “Nay không v.v...” trở xuống kết luận là sai. Hai là từ “Tự sanh v.v...” trở xuống là ba cảnh trí kia cũng vậy. Hoặc tăng thêm kiến mạn, đối với trăm ngàn câu phát khởi sai lầm đều như vậy.

Từ “Hai, nói rõ v.v...” trở xuống là dựa theo lý trong, có hai: Đầu tiên là nêu ra tướng, có hai: Thứ nhất nói về lý trong, ở trong cảnh trí của bốn thứ trên, tùy đó sử dụng một loại, mà biết căn bản là diệt trừ

kiến mạn, lập tức tiến hành tinh tiến nghiên cứu cảnh trở thành trí, đối với hoặc có thể phá trừ gọi là hoàn tất, đối với trí không mê đắm gọi là không tạo ra cái mới, chính là thành tựu dường như hiểu rõ mà phát ra chân thật chứng đắc. Ví như những người mù lòa, phẩm Như-lai Tánh trong Đại kinh chép: “Ví như trăm người mù vì chữa trị mắt, đến nơi thầy thuốc tài ba, lúc này thầy thuốc liền lấy kim phi (mũi tên vàng) vạch màng mắt họ ra, lấy một ngón tay chỉ ra, hỏi rằng nhìn thấy hay không? Người mù trả lời rằng: Tôi hãy còn chưa thấy. Tiếp tục lấy hai ngón - ba ngón tay chỉ ra, mới nói là nhìn thấy chút ít”. Kinh kia đã thí dụ đây đủ chỉ ra ba để còn nói là nhìn thấy chút ít, nay vẫn chỉ thí dụ vạch ra màng kiến tư chỉ bày ngón tay của chân đế, tuy chẳng phải Phật tánh mà tam dựa theo kiến “Không” được xứng hợp lý trong. Từ “Tuy thấy v.v...” trở xuống gạt bỏ tác ý. Cảnh trí này là tuy dứt trừ hoặc chướng chướng chân, mà chẳng phải chỉ riêng cảnh - chỉ riêng trí, nghĩ bàn không bật dứt chẳng phải nay vốn luận bàn. Từ “Nay nói v.v...” trở xuống là kết nói về sai lầm.

Từ “kế là nói rõ v.v...” trở xuống là chẳng thể nghĩ bàn, có hai: Đầu tiên là dựa vào trước đây phá trừ chất vấn về tánh. Bốn câu cảnh trí nếu sai, sao nói lập nên đối với cảnh trí, hơn nữa các kinh luận vốn nói về cảnh trí chẳng ngoài bốn câu này. Từ “Đáp kinh v.v...” trở xuống là xa lìa tánh lấy bốn tất-đàn để trả lời, có hai: Đầu tiên giải thích về tướng, có hai: Trước tiên tướng bốn tất-đàn, có hai: Thứ nhất nói về pho cơ bốn tất-đàn, có hai: Một là nói về bốn tướng, cảnh trí bậc Thánh mãi mãi dứt trừ bốn chấp. Nếu chúng sanh đó đối với cảnh trí tự nhiên, có hoan hỷ phát sanh thiện phá bỏ ác đi vào lý cơ thì bậc thánh mới có thể tùy cơ, giới thiệu nói về cảnh trí tự thiên nhi nhiên. Chúng sanh nếu đối với cảnh trí tương đãi - cảnh trí nhân duyên - cảnh trí tuyệt đãi, có bốn cơ tất-đàn, thì bậc Thánh mỗi mỗi tùy theo cơ duyên kia, để thực hiện giới thiệu ba loại như tương đãi v.v... vậy, tất cả khiến cho được lợi ích. Vì thế cho nên trong kinh thực hiện bốn thứ này nói về cảnh trí. Hai từ “Tuy làm v.v...” trở xuống giải thích về xa lìa tình Bậc thánh nói về cảnh trí như tướng thiên nhiên v.v... không bao giờ có bốn chấp nên ái kiến không sanh khởi, vì thế giúp cho người nghe phá trừ Hoặc chướng đi vào đạo, đạt được cảnh trí chân thật. Ba cảnh trí tất-đàn cũng giống như vậy. Từ “Như thế v.v...” trở xuống là nói về khả năng biểu hiện chánh pháp. Nếu biết bốn thứ chấp trước là sai lầm tai họa, gọi là nhận thức được đạo diệt. Bốn để đã rõ ràng thì Tam bảo lập thành, pháp của Chư Phật không pháp nào không hiện tiền. Từ “Nếu dùng v.v...” trở

xuống là tướng chẳng thể nghĩ bàn, có hai: Đầu tiên lại tiếp tục nói về suy tư nhận thức, đối với bốn cảnh trí, xa lìa kế chấp mà tu, bốn tánh đã “không” đi vào “không” dẫn đến chứng đắc, tuy thành tựu lý trong mà chưa dứt ngôn ngữ suy nghĩ. Hai từ “Nếu không v.v...” trở xuống chính là nói về chẳng thể nghĩ bàn, có ba: Đầu tiên dựa theo nghĩa chỉ ra. Hỏi: Ma-ha chỉ quán phá kiến tư giả từng tiết đều gọi là tánh tướng hai không, trong cảnh chẳng nghĩ bàn dựa theo pháp tánh vô minh, xem xét sai lầm của bốn tánh. Kinh Khê nói: “Vốn từ hai “không” làm cảnh của tánh đức, mở rộng xem xét hai “không” làm cảnh của tu đức, vậy thì nghĩ bàn và chẳng thể nghĩ bàn, đều cần phải quán tánh tướng hai “không”. Nay vẫn vì sao sắp xếp trái với các luận nói, mới có thể dùng hai không phân chia đối chiếu hai nơi? Đáp: Hai hoặc Chung riêng cùng ngăn cách Trung đạo, dựa theo nói về quán pháp đều phải hai không. Nay đã nói lược gọi là có còn-mất, Thông hoặc phá xứ tuy có đủ hai không, mà người tiểu thừa được trú nơi tướng Niết-bàn, vì thế cho nên tạm thời mất tên gọi của tướng không. Nếu phá Biệt hoặc nói thuận theo trội hơn thì, chỉ còn lại tướng không mà ở trong đó, chứa đựng nghĩa hai không. Vì sao? Vì quán danh tự bốn thứ cảnh trí, không trú vào bốn câu cũng không thể không trú vào, bốn câu thuộc về tánh - không trú vào thuộc về tướng, đã hiểu rõ tên gọi của bốn thứ cảnh trí, không nói, không nghe, không khởi lên phân biệt, không làm ra tư lương, chẳng lẽ đối với Biệt lý mà còn kế chấp tánh thật hay sao? Nay phân tách hai “không” phá trừ hoặc Chung riêng, tạm thời thuận theo các nói nói về giáo đạo. Tiểu thừa chỉ có người không - Đại thừa đạt được hai “không”, trước người sau pháp. Bởi lẽ nay vẫn không nói về quán pháp, mà lại nương nhờ thứ lớp chỉ ra diệu cảnh trí. Từ “Kim quang v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh. Từ “Đây nói đây đủ v.v...” trở xuống là dựa vào Đại Bản. Hai là từ “Long thọ v.v...” trở xuống là dẫn ra tương tự. Đại luận giải thích kinh đều trước phá chấp, sau mới chỉ ra nghĩa. Nay nói về cảnh trí cũng tương tự văn kia, trước hết phá trừ lý ngoại kiến mạn mê hoặc tâm, kế đến gạt bỏ chứng đắc nghĩ bàn của Tiểu thừa, sau mới biểu hiện rõ ràng cảnh trí bốn tất-đàn bất khả tư nghị. Từ “Phàm dựa theo v.v...” trở xuống chính là giải Thích Cảnh trí, có hai: Đầu tiên xác định trước sau.

Từ “Thế là v.v...” trở xuống là dựa vào nghĩa giải thích, có hai: Đầu tiên là giải Thích Cảnh, có hai: Trước là giải thích Thế, có hai: Thứ nhất là giải thích danh nghĩa. Có hai: Một là nêu ra Thế chia làm ba loại, có hai: Đầu tiên thẳng nêu ra ba loại. Đại luận giải thích trong một

trăm lẻ tám Tam-muội, đến giải thích Tam-muội năng chiếu nhất thiết thế gian rằng: “Vì đạt được Tam-muội này, có khả năng soi chiếu ba loại thế gian, đó là thế gian chúng sanh, thế gian trú xứ, và thế gian ngũ ấm”. Vì thế một tông phái sử dụng nghĩa, theo đúng ba thứ thế gian của luận kia, phát triển mười như của Pháp Hoa, khéo léo bàn về ba ngàn, vốn chẳng phải sự hy vọng đạt được của thường tình. Hai từ “Đã có v.v...” trở xuống là nghĩa cần phải đến ba. Từ “Thế là v.v...” trở xuống giải thích ba thông suốt mười cõi giới, có hai: Đầu tiên dựa vào y chánh nói về thế gian. Từ “Mỗi mỗi v.v...” trở xuống dựa theo nhân quả nói về pháp giới. Từ: “Nay căn cứ v.v...” trở xuống chỉ ra diệu cảnh, có hai: Đầu tiên chỉ ra diệu nghĩa, có hai: Thứ nhất trình bày ba ngàn duyên khởi, cõi có tướng tánh đến hạng rốt ráo, nhân quả mới đầy đủ, mười cõi đều như vậy thì thành ra trăm pháp, mười cõi có đủ lẫn nhau thành trăm cõi, thì khiến cho nhân quả trở thành ngàn pháp. Như vậy ngàn pháp không ngoài hiểu rõ hay mê hoặc nhân duyên, cho đến chỗ sanh ra pháp thế gian và xuất thế gian. Tiểu thừa nói nhân duyên vô lậu chỉ có thể diệt pháp, vì thế khiến cho bốn Thánh rốt ráo quay về dứt đoạn. Đại thừa nói vô lậu nhân duyên thì thường biểu hiện pháp, vì thế khiến cho bốn thánh rốt ráo quay về thường trụ. Do đó dẫn Đại kinh chứng minh cho nghĩa đại thừa, cần phải hiểu rõ duyên khởi tu tánh đều như vậy, đều do lý đầy đủ mới có sự dụng. Nhưng lại cần phải biết nay nói ngàn pháp tức là ba ngàn, bởi vì dựa theo ba loại giải thích về thế gian, và báo của một cõi cần phải nói về y chánh, chánh lại là giả - thật, lại như tướng ban đầu. Như mặt trời thế gian ấy là ghi nhận đối với đời này, thật pháp của yếu-thọ - hiền - ngu, giả danh của tăng - tục - sĩ - thứ, y báo của áo - cơm - ruộng - nhà, chẳng lẽ tướng ban đầu có thể nói lên ba loại hay sao? Trước sau đã như vậy thì khoảng giữa có thể ví dụ biết được, do đó ngàn pháp ba ngàn chỉ mở rộng và sơ lược như vậy. Nay vẫn trước nói về ba loại thế gian, nay nói về pháp nhân quả của một ngàn, trước sau cùng biểu hiện nghĩa đó trọn vẹn đầy đủ. Từ “Là các v.v...” trở xuống nêu ra diệu cảnh ba đế. Vì ba ngàn pháp đều là nhân duyên sanh, vì thế cho nên mỗi pháp tức Không - Giả - Trung, ba đế có đủ lẫn nhau chẳng dọc chẳng ngang. Do đó Ngài Kinh Khê nói: “Ba đức - ba đế- ba ngàn, đều bật dứt nói năng suy nghĩ đó là diệu cảnh”. Hai từ “Cảnh này v.v...” trở xuống là bao gồm ba pháp, có hai: Đầu tiên dựa theo ba người chia ra hai cảnh, một tông phái trình bày quán không ra ngoài hai cảnh, bốn niệm xứ tâm đối với ấm sắc, mà chia làm trong ngoài. Văn này tâm đối với chúng sanh - Phật, mà phân thành tự - tha.

Mười môn không hai lấy tâm đối với y chánh sắc tâm kia mà chia ra trong ngoài, thì y chánh chúng sanh Phật và sắc ấm của mình, đều gọi là ngoài. Kinh Khê đặc biệt thông hiểu văn của hai nơi, lập nên cảnh ngoài. Cần phải biết y chánh chúng sanh - Phật và sắc tâm của mình đều là pháp giới, chẳng có gì không có đủ ba ngàn ba đế, cho nên trong ngoài - tự tha đều là diệu cảnh. Nhưng vì quán cảnh gần mà lại quan trọng, chẳng có gì bằng nội tâm. Do đó các kinh luận thường nói về tâm pháp khắp nơi gồm thâu tất cả. Cần phải biết rằng khắp nơi gồm thâu căn cứ vào không hai, cho nên Tứ niệm xứ chép: “Chỉ là một thức - chỉ là một sắc, sắc của muôn tượng đã thừa nhận tâm có đủ, tâm của ngàn sai ngại gì sắc có đủ? Chúng sanh thành Phật là y báo thành tựu, cõi nước hưng phế há là sự việc người khác hay sao?” Có người không thấu đạt, chỉ chấp riêng là tâm mà không thừa nhận sắc có đủ, nên lập thành chất vấn rằng: sắc có đủ ba ngàn phải tự thành Phật, nơi nào từng thấy cỏ cây thọ ký, đây là nói gì ư, đây là nói gì? Bởi vì nói nghĩa của tâm có đủ thì dễ sáng tỏ, đối với sắc chỉ ra đầy đủ, tương thì khó biểu hiện. Vì thế nếu giáo văn phần nhiều nói về tâm có đủ là muốn người vâng chịu giáo dựa theo dễ dàng hiểu rõ điều khó. Lấy tâm dụ cho sắc, chính là biểu hiện các pháp từng pháp trọn vẹn đầy đủ. Vì thế nói duy sắc - duy thanh - duy hương - duy vị - duy xúc, hơn nữa nói về duy tâm có thật có quyền, nói về duy sắc chẳng phải quyền mà chỉ riêng thật. Do đó Đại sư vì lập nên Viên Tông, đặc biệt nói về duy sắc, chính là tổ chúng ta một mình bàn luận vượt lên, kiên quyết ẩn kín Viên Tông chỉ giống như nơi khác nói, ý đó thế nào vậy? Nghĩa của duy tâm, nay không phải không thể bàn luận, vì nói về tự tâm và sắc của y chánh. Ba điểm này đều đầy đủ các pháp, thì khiến cho duy tâm không giống với nơi khác. Vì sao? Vì bỗng nhiên nếu không trình bày muôn pháp có đủ lẫn nhau, làm thế nào có thể lập nên tâm có đủ ba ngàn? Kinh Kim Quang Minh chép: “Đối với tất cả các pháp hàm chứa được tất cả, mật nghĩa này sâu sắc có thể dựa vào”. Hỏi: Đại ý nói: Sắc do tâm tạo thành - toàn thể là tâm, sao giáo văn nói: Tâm do sắc tạo thành, toàn thể là sắc. Lại nghĩa theo đó nói: “Tâm có đủ ba ngàn, là đối với vô tình lập nên nghĩa Phật thừa”, cũng là tâm gồm thâu đâu liên quan đến sắc? Đáp: Dựa theo năng tạo thì tâm gồm thâu pháp dễ dàng hiểu rõ, cho nên thuận theo kinh luận dùng tâm gồm thâu pháp, mà làm quán cảnh, vì thế nói sắc do v.v... Đại sư đã nói: “Chỉ là một sắc mà chia ra hai loại, gọi là hữu phân biệt sắc - vô phân biệt sắc”. Ý dựa vào thức tâm để phân biệt sắc, sắc này tạo ra tâm có số lượng bao nhiêu, sao nói: “Xưa nay sắc không

tạo ra tâm”? Đã nói: “Chỉ là một”, sao nói:” “Không nói toàn thể là sắc”? Còn lúc đến quả, trong y hiện có chánh - trong chánh hiện có y, sát nói - trần nói, lý nhân quả như nhau mà y chánh sao khác nhau? Lý tánh - danh tự đã có tướng y chánh không hai, duyên gì kiên quyết chấp một bên đây đủ vậy? Vô tình - Phật thừa là nói theo tâm có đủ căn bản là một thể thuận theo dễ dàng mà quán, đừng dẫn văn này chứng minh sắc không có đủ. Đại sư nói như vậy khiến cho biết đều có đủ, mà nay dựa vào điều này chỉ hạn cuộc ở tâm, là đạt được ý hay không được ý? Muốn cho người ta hiểu rõ hay phù hợp với ngã kiến? Từ “Hỏi tự v.v...” trở xuống là dẫn ra hai kinh trình bày tất cả có đủ, có hai: Đầu tiên Hỏi: Trước lấy mười cõi mà làm cảnh gian, kể đó nói về cảnh thế gian có tự có tha, tha tức là chúng sanh - Phật, tự chính là tâm mình. Chính là dẫn Hoa nghiêm chép “Tâm như người thợ vẽ tạo ra các loại Ấm”. Nói là chúng chủng (các loại) há chẳng phải chúng sanh - Phật hay sao? Vì thế căn cứ vào pháp này mà lập ra câu hỏi này. Tâm năng tạo có thể đầy đủ mười cõi, là tạo chúng sanh và Phật, vì sao nói đều có thể đầy đủ mười cõi? Vì biết người thế gian không hiểu rõ nghĩa của ba pháp không sai khác, cho rằng tâm là lý chúng sanh Phật là sự, lý năng tạo sự - tâm tùy theo hiểu rõ duyên tạo Phật, tâm tùy theo mê muội duyên tạo chúng sanh. Cả ba không xa lìa nhau gọi là không sai khác. Giải Thích Cách này trái với kinh, che lấp Viên nghĩa, do đó phát khởi câu hỏi này để sinh ra câu trả lời sau. Hai Trả lời: Trước tiên dẫn ra Tịnh danh thật tướng ấy, tức là thật tướng các pháp. Dựa theo ý kinh này, các pháp của mười cõi đều là thật tướng, quán thân - quán Phật thật tướng đã như vậy, há không thể đều đủ mười pháp giới hay sao? Lại dẫn văn về ba vô sai khác trong Hoa Nghiêm, để chứng minh tất cả đầy đủ. Bồ-tát Như-lai Lâm trong kinh ấy nói: “Tâm như người vẽ giỏi, tạo ra nhiều loại ngũ ấm. Trong tất cả thế gian không gì không từ tâm tạo ra, như tâm - Phật cũng vậy, như Phật - chúng sanh cũng thế, tâm - Phật và chúng sanh ba thứ không hề sai khác: Văn kinh trước chỉ ra tâm tạo tất cả, nhân tiện lấy tâm này dụ cho Phật, nêu ra Phật quyền tạo, giống như tâm thật tạo. Kế đó lại lấy Phật mà dụ cho chúng sanh, nêu ra chúng sanh thật tạo giống như Phật quyền tạo, quyền thật tuy khác nhau nhân quả tạm thời khác nhau. Cả ba đều là năng tạo tất cả thế gian, cho nên có thể kết luận nói ba không hề sai khác. Vì sao lại nói một là năng tạo - hai là sở tạo, sao có thể ba điều này là không hề sai khác? Đây là tông phái hiện nay làm cho mất dần văn kinh kia. Nếu nói nghĩa đó thì lại làm cho người khác không biết, vì kinh này nói về nhân duyên quả báo,

tức là thật tướng; nhân duyên là năng tạo - quả báo là sở tạo. Nghĩa tạo ở đây đã thuộc về thật tướng. Vì thế cho nên nghĩa tạo lý vốn đầy đủ, dùng lý tạo này mới có sự tạo, ba pháp đều như vậy, vì thế cho nên có thể nói lý sự không hai - bốn mặt ảnh hiện lẫn nhau. Lý đã dung hợp lẫn nhau thì sự lẽ nào ngăn cách khác nhau? Ba pháp có đủ lẫn nhau - thay đổi lẫn nhau - gồm thâu lẫn nhau, rất có lý do, tôn chỉ của viên đốn cùng cực ở đây. Ngoài Kinh Khê than: “Không hiểu rõ văn này, làm sao hiểu hết câu kệ: Tâm tạo ra tất cả, ba pháp không sai khác?”

Câu hỏi trước sao có thể tự tha tất cả có đủ mười cõi? Nay đáp chẳng lẽ không thể tất cả có đủ ba đế hay sao? Vì thế biết mười cõi hoặc chung hoặc riêng, đều là ba đế.

Hai là giải thích Âm, có hai: Đầu tiên dựa vào miệng nghiệp đích thực giải thích. Phật trong mười pháp giới: Nay đã nói về cơ, phải trừ bỏ cực quả tự phần chứng trở lại, chỉ là viên cơ đều gọi là cõi Phật, tất cả có thể xưng gọi danh hiệu. Từ “Hỏi v.v...” trở xuống là nói ba nghiệp cùng cơ, có hai: Đầu tiên là câu hỏi khởi lên. Hai từ “Nhưng thông v.v...” trở xuống trả lời giải thích, có hai: Đầu tiên chính là nói cùng thông suốt, chân tịch thường chiếu đâu có phân biệt thân ý và chỉ đi đến miệng? Từ “Mà nay v.v...” trở xuống là đối chiếu Biến hiển bày Viên, có hai: Đầu tiên xưa trình bày biến giới hạn, có sáu: Một. Hưởng đến đưa ra. Hai là Tùy tục. Ba - Đưa ra lẫn nhau, có ba: Đầu tiên chính thức giải thích. Bậc Thánh nêu lên quán chắc chắn soi chiếu sắc tâm của chúng sanh, tức là thân ý. Chúng sanh nêu lên Âm thanh, chắc chắn phù hợp nhĩ thức của bậc thánh, đã nghe âm thanh lại quán sát sắc tâm, tức là bậc thánh thuận theo ba nghiệp của căn cơ. Hai từ “Xưa hỏi v.v...” trở xuống thông suốt chất vấn, có hai: Đầu tiên người khác chất vấn. Đưa ra lẫn nhau cùng một loại, sao không gọi là nghe sắc tâm? Hai từ “Xưa đáp v.v...” trở xuống là xưa thông suốt, có ba: Đầu tiên nói về xưa thông suốt, nêu lên quán làm ứng, đã là hai chữ sắc tâm thì rõ ràng ứng rộng, nêu lên Âm làm căn cơ - âm chỉ một chữ, tức là cơ hẹp. Cơ hẹp ứng rộng, nói lên sâu sắc thánh đức. Từ “Nay lại v.v...” trở xuống là hiện tại ghi nhận lời hỏi kể là từng chữ một, rõ ràng cảm ứng có thích hợp có hay không? Nếu cùng ứng cùng cảm, thì không cần nói ứng hai cảm một. Từ “Nay không v.v...” trở xuống là nay vì thông suốt Thánh ba đều ứng - phạm ba đều cảm, chỉ vì dựa theo cho và lấy được lẫn nhau nên nêu miệng ý. Bốn là nghĩa gồm thâu, chỉ có ngôn âm đầy đủ đối với ba nghiệp, cho nên nói nghĩa gồm thâu. Năm - ẩn hiển. Sáu khó dễ, có hai: Đầu tiên tai nạn cấp bách miệng cơ dễ phát. Từ “Lại thứ sáu

v.v...” trở xuống là thệ nguyện sâu sắc thích hợp khẩn cấp xưng gọi. Từ “Nay trình bày v.v...” trở xuống dẫn luận giải thích đầy đủ, có hai: Đầu tiên dùng giác quán so sánh âm thanh, tạm thời dẫn ra Thích luận: “Sự của ba nghiệp chẳng có gì không trọn vẹn có đủ, giác quán vừa mới lay động giống với hơi thở hoàn toàn, đã trở thành thân hành, đã là lời nói căn bản lại trở thành miệng hành, ý nghiệp kín đáo tinh tế hãy còn có thể đầy đủ ba loại, thân miệng biểu hiện thô kệch tất cả đầy đủ có thể biết”. Từ “Chỉ nêu v.v...” trở xuống là nói về Quán Âm trọn vẹn cảm ứng. Đại thánh vừa quán sát chẳng phải chỉ có đầy đủ đối với một loại ba nghiệp, cần phải biết rằng đầy đủ ba nghiệp của trăm cõi giới, bởi vì lấy toàn bộ pháp giới mà làm ứng hợp.

Một âm của chúng sanh đầy đủ trọn vẹn cũng như vậy. Lấy toàn bộ pháp giới để làm cơ cảm, do đó bậc Đại Thánh soi chiếu cùng tận chánh tánh, ranh giới ngọn nguồn đó, khó nghĩ được cảm ứng, đâu thể dùng cái thấy phạm tục của thầy người để suy lường được.

